

2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

"Hướng tới sự hoàn mỹ"



**CÔNG TY CỔ PHẦN
VINATEX ĐÀ NẴNG**



Giới thiệu tổng quan: Vị trí



20+ ĐỐI TÁC



MOTIVES GROUP

NBC
NHABE CORPORATION



PERRY ELLIS

K
KANE TOP
BUSINESS FAMILY FOR THE FUTURE



SUN'S

H HAGGAR.
CLOTHING &

fishman
tobin

Logo.

CHORI

Manhattan



Λ V O D A H
아보다

ITOCHU

**MARKET
FIT GROUP**
GLOBAL SOURCING

**AURORA INVESTMENTS
GLOBAL LIMITED**
"Your Garment Resource in Vietnam"

bigborn
BIGBORN SHOJI CO., LTD.

ĐƯỢC TIN TƯỞNG BỞI 50+ THƯƠNG HIỆU THỜI TRANG QUỐC TẾ



Năng lực sản xuất của Công ty trong năm 2023:

14

Tổng diện tích (ha)

3.500

Tổng số dụng cụ

7.000.000

Tổng sản lượng (psc/năm)

3.000

Tổng số lượng người lao động

MỤC LỤC

10

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

24

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

46

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức chính sách và quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

60

PHẦN 4 : BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

66

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị

80

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
Tên tiếng Anh	VINATEX DANANG JOINT STOCK COMPANYSIEDIDCO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	số 0400410498 do Sở kế hoạch & đầu tư TP Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 31/03/2023
Vốn điều lệ	31.429.100.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31.429.100.000 đồng
Địa chỉ	25 Trần Quý Cáp, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Số điện thoại	0236.3827116
Số fax	0236.3823367
Website	www.vinatexdn.com.vn
Mã cổ phiếu	VDN



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Thời gian đầu Vinatex Đà Nẵng có tên gọi là Liên hiệp SX - XNK dệt may Việt Nam tại Đà Nẵng được thành lập vào ngày 01/07/1992 với 01 xưởng thêu tự động, 01 xưởng may gồm 350 công nhân & 01 cửa hàng cung ứng thiết bị phụ tùng ngành may.



Tiền thân của Công ty CP Vinatex Đà Nẵng là Chi nhánh Tổng Công Dệt May Việt Nam tại Đà Nẵng, được thành lập trên cơ sở sát nhập Chi nhánh Liên hiệp Dệt tại Đà Nẵng với Chi nhánh Liên hiệp May tại Đà Nẵng theo quyết định số 100/QĐ/TCCLD ngày 26/10/1995 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dệt May Việt Nam, có tên giao dịch quốc tế: VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT CORPORATION - DANANG BRANCH - GỌI TẮT VINATEX ĐÀ NẴNG, là đơn vị hạch toán phụ thuộc.



Tháng 01/2002, trên cơ sở sát nhập Chi nhánh Tổng Công ty Dệt May Việt Nam tại Đà Nẵng và Công ty Dệt May Thanh Sơn theo quyết định số 299/QĐ-TCCB ngày 28/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May Đà Nẵng được thành lập (tên giao dịch gọi tắt VINATEX ĐÀ NẴNG), là đơn vị hạch toán độc lập có con dấu riêng và có tài khoản tại ngân hàng, có chức năng SX-KD theo đăng ký kinh doanh và là đơn vị trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc, kinh doanh thương mại hàng Dệt May, thiết bị phụ tùng điện - điện lạnh, có trụ sở văn phòng đặt tại 25 Trần Quý Cáp, TP.Đà Nẵng.



Ngày 01/9/2005, Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May Đà Nẵng được cổ phần hóa theo quyết định số 142/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp ngày 23/11/2004 và đổi tên thành Công ty CP SX-XNK Dệt May Đà Nẵng, tên Tiếng Anh là : DANANG TEXTILE AND GARMENT MANUFACTURING IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là VINATEX DANANG, hoạt động theo điều lệ tổ chức hoạt động được hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/07/2005.



Ngày 01/07/2008 được đổi tên Công ty CP Vinatex Đà Nẵng, Trụ sở: Số 25 đường Trần Quý Cáp, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.



Ngày 31/03/2010, Công ty CP Vinatex Đà Nẵng chính thức đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán Upcom, với mã chứng khoán là VDN. Tổng số lượng niêm yết là 2.000.000 CP, mệnh giá 10 nghìn đồng. Mục đích đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch nhằm tăng vốn điều lệ tái đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng quy mô sản xuất.



Trong năm 2016, Công ty CP Vinatex Đà Nẵng phát hành thêm 993.910 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng tổng số lượng chứng khoán của Công ty lên 2.993.910 cổ phiếu.



Trong năm 2022, Công ty phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty với số lượng là 149.000 cổ phiếu, nâng tổng số lượng chứng khoán của Công ty lên 3.142.910 cổ phiếu.



Trải qua hơn 30 năm hình thành và phát triển, Công ty CP Vinatex Đà Nẵng không ngừng phát triển về mọi mặt, đời sống người lao động luôn luôn được cải thiện và nâng cao, chi trả cổ tức hàng năm cho cổ đông duy trì ở mức từ 10% đến 20%.



Từ đầu năm 2023 đến nay, Công ty CP Vinatex Đà Nẵng hoàn tất các thủ tục cần thiết để triển khai dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Vinatex Mỹ Chánh. Đây là nhà máy sản xuất hàng may mặc thứ 2 của Công ty CP Vinatex Đà Nẵng tại huyện Phù Mỹ. Nhà máy Vinatex Mỹ Chánh được xây dựng trên diện tích hơn 3 ha, thuộc địa bàn xã Mỹ Chánh và Mỹ Chánh Tây, công suất 950 nghìn quần áo các loại, với tổng vốn đầu tư 87,233 tỷ đồng. Dự kiến, quý II/2024, DN sẽ tiến hành khởi công xây dựng, đến quý II/2025 hoàn thành đưa nhà máy vào hoạt động.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

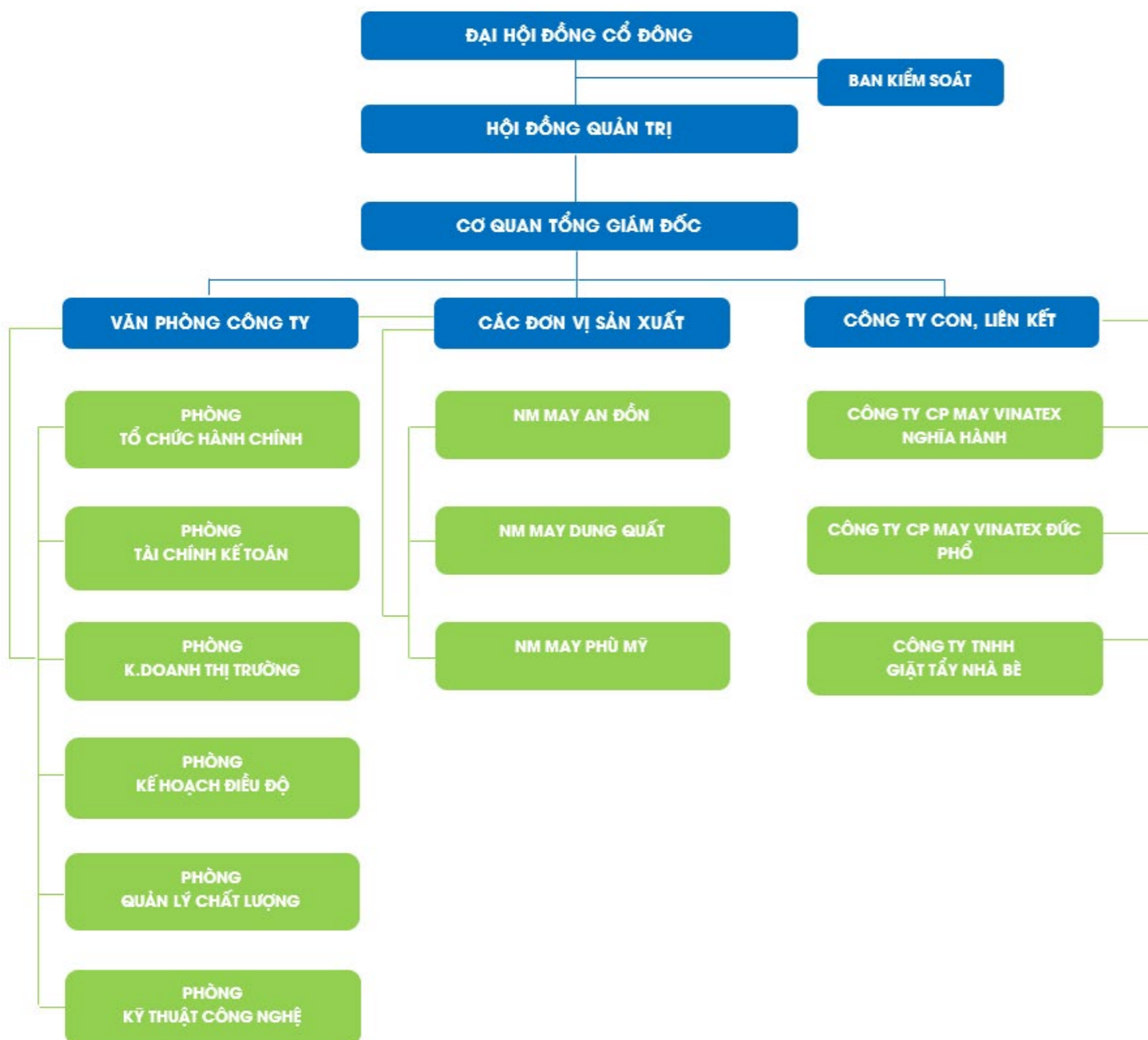
- » Chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, hàng thêu đan, áo len
- » Kinh doanh khách sạn
- » Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ, kinh doanh nhà hàng, đại lý mua bán hàng hóa
- » Bán mô tô, xe máy
- » Lắp đặt hệ thống điện, bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép
- » Xây dựng nhà các loại
- » Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- » Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- » Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- » Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính và kế toán)
- » Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày
- » Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu
- » Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
- » Trồng cây hàng năm khác
- » Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Xuất khẩu chủ yếu qua các nước như Mỹ, Nhật, Châu Âu.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty CP Vinatex Đà Nẵng tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty quy định.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm có quyền và nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy chế hoạt động của HĐQT, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức; chịu trách sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	VĐL thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty con				
1	Công ty CP may Vinatex Nghĩa Hành	Cụm Công nghiệp Đồng Dinh, thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	15,3 tỷ đồng	51%
Công ty liên kết				
1	Công ty CP may Vinatex Đức Phổ	Cụm Công nghiệp Phổ Hoà, thôn An Thường, xã Phổ Hoà, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	6 tỷ đồng	24%
2	Công ty TNHH giặt tẩy Nhà Bè	Cụm Công nghiệp Trung An, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	9,3 tỷ đồng	31%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Công ty sẽ tích cực nâng cao chất lượng toàn diện trong mọi khâu tổ chức sản xuất từ kiểm định chất lượng nguyên liệu đầu vào, kiểm tra quy trình sản xuất, chất lượng đầu ra của sản phẩm đến nâng cao chất lượng chuyên môn của nhân viên nhằm giữ vững niềm tin khách hàng.

VDN tập trung nâng cao năng suất lao động của từng nhân viên từ 700 USD đến 800 USD/người/tháng, đồng thời cũng nâng cao tiền lương và thu nhập cho người lao động. Từ đó giúp người lao động hăng say lao động, giúp Công ty có thể đạt được mục tiêu xuất khẩu nhiều sản phẩm ra thị trường hơn nữa

trong những năm tới. Để làm được điều đó, Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh công tác nguồn nhân lực, các khoá học có giao việc và hướng dẫn giúp người lao động thuần thục với nghề hơn.

Song song với việc mở rộng thị trường, Công ty không ngừng đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu trên thị trường và quảng bá hình ảnh thương hiệu Vinatex Đà Nẵng. Công ty thường tham gia các kỳ hội chợ về Hàng Việt Nam chất lượng cao và Hàng thời trang may mặc tại các thành phố lớn.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

VDN cố gắng giữ vững được 2 thị trường xuất khẩu lớn là Hoa Kỳ và Nhật Bản, và cũng tích cực trong việc khai thác thêm các thị trường mới như Nga, Trung Đông, Hàn Quốc.

Công ty đang trong quá trình cải thiện quy trình quy hoạch chuẩn mực đơn hàng cho từng đơn vị, khai thác những đơn hàng có số lượng lớn, giá cả phù hợp, tạo điều kiện để nâng cao năng suất lao động.

Công ty sẽ tập trung vào phát triển công nghệ và thiết bị, vật dụng hiện đại để tăng năng suất sản xuất. Cụ thể, Công ty sẽ nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin vào các mặt hoạt động sản

xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đầu tư vào các thiết bị có tính tự động hoá cao. Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào trong sản xuất có hiệu quả và hạn chế phụ thuộc vào trình độ tay nghề của người lao động.

Về dài hạn, Công ty sẽ chuyển đổi mạnh mẽ sang hướng mô hình sản xuất theo hướng bền vững, xanh, tuần hoàn và đáp ứng các quy định mới liên quan đến môi trường, người lao động, nguồn gốc xuất xứ, khả năng tái chế của sản phẩm từ các thị trường chủ chốt như Mỹ, EU.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Vinatex Đà Nẵng cam kết hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, với trọng tâm là không ngừng đổi mới và cải tiến để nâng cao năng suất lao động. Công ty chú trọng nâng cao các chế độ phúc lợi cho người lao động và đảm bảo một môi trường làm việc không chỉ xanh, sạch, đẹp mà còn an toàn, phản ánh sự quan tâm đến sức khỏe và phúc lợi của nhân viên.

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, và bảo vệ môi trường, bảo đảm rằng Công ty vận hành một cách có trách nhiệm và bền vững.

Hơn nữa, công ty còn tuân thủ các quy định về trách nhiệm xã hội đối với môi trường từ phía khách hàng, bao gồm các tiêu chuẩn như GRS và ORG, phản ánh cam kết với việc bảo vệ môi trường toàn cầu. Đồng thời, Công ty không chỉ tập trung vào hoạt động SXKD mà còn quan tâm đến cộng đồng xã hội, thể hiện trách nhiệm và sự quan tâm sâu sắc đến sự phát triển của cộng đồng xung quanh Công ty.



CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Tình hình kinh tế toàn cầu trong năm 2023 vẫn tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ nhiều yếu tố, bao gồm đại dịch Covid-19, xung đột Nga - Ukraine, và các biện pháp chính sách tiền tệ chặt chẽ của các quốc gia phát triển nhằm kiểm soát lạm phát và đảm bảo tài chính công ổn định. Đồng thời, xu hướng giảm tiêu dùng và sụt giảm đơn hàng xuất khẩu, cùng với những thách thức về cơ cấu kinh tế và suy thoái thị trường bất động sản đang diễn ra. Giá năng lượng cao và lãi suất tăng cùng với sự suy giảm hoạt động kinh tế ở các nền kinh tế phát triển có thể dẫn đến việc gia tăng nợ xấu và giảm giá trị tài sản lâu dài.

Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức trong và ngoài nước, GDP trong nước trong năm 2023 vẫn tăng 5,05% so với năm trước. Trong sự tăng trưởng này, ngành Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,68%. Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,76%; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 2,64%.

Với tình hình hiện tại, Ban lãnh đạo Công ty sẽ liên tục cập nhật thông tin về kinh tế tổng thể trong và ngoài nước để điều chỉnh kế hoạch và chiến lược sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm của mình trong khâu sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào là một yếu tố rất quan trọng và cần phải lưu tâm đối với một Công ty sản xuất như Vinatex Đà Nẵng. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, biến động nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Giá nguyên vật liệu (nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước) luôn biến động, do đó Công ty luôn xây dựng chính sách cung ứng nguồn nguyên liệu hợp lý và cần linh hoạt trong việc thay đổi giá thành để tránh những biến động trong nguồn nguyên liệu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.



CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

RỦI RO VỀ NHÂN LỰC

Trong ngành dệt may, lao động đóng một vai trò quan trọng, với chi phí nhân công chiếm tỉ trọng đáng kể trong tổng chi phí của doanh nghiệp. Đào tạo lao động mới đòi hỏi chi phí và thời gian đáng kể để họ có thể nắm vững kỹ năng cần thiết. Đặc biệt, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành rất khốc liệt và thị trường lao động thường biến động mạnh mẽ. Để duy trì sự ổn định trong lực lượng lao động, Công ty luôn cố gắng xây dựng các chính sách về lương thưởng và phúc lợi hấp dẫn, cùng với việc đào tạo và phát triển lực lượng cán bộ kế cận để đáp ứng được yêu cầu của quá trình sản xuất kinh doanh. Điều này giúp công ty giữ chân được nhân viên tài năng và kỹ năng, đồng thời tạo ra một môi trường làm việc tích cực và phát triển cho nhân viên.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần Vinatex Đà Nẵng hoạt động dưới sự ảnh hưởng của hệ thống luật pháp, bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản quy định của ngành, như các Nghị định, Thông tư và chính sách cụ thể.

Là một công ty cổ phần được đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty sẽ phải tuân thủ Luật Chứng khoán và các hướng dẫn thi hành liên quan. Điều này đồng nghĩa với việc công ty sẽ phải chịu tác động từ các quy định và quy trình mà Luật Chứng khoán đưa ra. Ngoài ra thì trong năm 2023, đã có thay đổi về chính sách liên quan đến lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác theo Thông tư số 69/2023/TT-

BTC ngày 15/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 30/12/2023. Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi và cập nhật những quy định mới nhằm đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt những quy định của pháp luật và đưa ra những chiến lược quản trị phù hợp.

Bên cạnh đó, Công ty còn xuất khẩu các sản phẩm ra thị trường lớn như Mỹ, Nhật, Châu Âu nên các Hiệp định được ký kết như CPTPP, EVFTA cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tích cực cập nhật thay đổi về các quy định pháp luật. Điều này giúp công ty áp dụng các điều chỉnh cần thiết vào Điều lệ và các Quy chế nội bộ của mình, nhằm giảm thiểu rủi ro quản trị xuống mức thấp nhất có thể.

RỦI RO LÃI SUẤT

Trong năm 2023, FED tăng lãi suất đến 4 lần nhằm ngăn cản sức ép lạm phát tăng cao. Việc FED tăng lãi suất khiến đồng USD tăng mạnh, gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỷ giá trong nước, tạo sức ép gia tăng lạm phát. Trái ngược với FED, Ngân hàng nhà nước có sự trái chiều về mặt chính sách. Từ đầu năm 2023 đến nay, Ngân hàng nhà nước có 4 lần giảm lãi suất điều hành, với mức giảm từ 0.5%-1.5% so với năm 2022. Việc này giúp các doanh nghiệp có cơ hội được vay với lãi suất thấp hơn và đẩy mạnh quá trình phục hồi kinh doanh.

Là một công ty có sử dụng đòn bẩy tài chính, rủi ro về lãi suất cũng là một điều mà Công ty không thể bỏ qua. Việc tăng lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí lãi vay và hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty.

Để hạn chế rủi ro từ lãi suất, Ban lãnh đạo không ngừng theo dõi và cập nhật tình hình lãi suất để kịp thời điều chỉnh chiến lược, kế hoạch và lựa chọn nguồn vốn phù hợp với Công ty.



RỦI RO TỶ GIÁ

Trong hoạt động sản xuất và xuất nhập khẩu, rủi ro về tỷ giá luôn được Công ty quan tâm và đánh giá kỹ lưỡng. Công ty phải đối mặt với ảnh hưởng lớn từ biến động tỷ giá khi nhập khẩu nguyên liệu từ các quốc gia như Mỹ, Nhật, và các nước châu Âu. Ngoài ra, doanh thu chủ yếu của Công ty đến từ việc xuất khẩu, với thị trường quốc tế chiếm tỉ lệ lớn, bao gồm Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu. Trong đó, ảnh hưởng lớn nhất là biến động giữa VND và USD khi phần lớn các hợp đồng giao dịch được ký sử dụng đồng USD.

Trong bối cảnh đồng USD đang tăng giá mạnh mẽ do chính sách tiền tệ thắt chặt của Mỹ và có thời điểm tỷ giá chạm mốc 25.000VND/USD, cao nhất trong vòng 20 năm. Công ty phần nào được hưởng lợi khi đồng USD tăng cao khiến cho giá trị của các hợp đồng của Công ty tăng lên khi phần lớn các hợp đồng sử dụng loại tiền tệ này. Tuy nhiên, đồng USD cao cũng mang lại áp lực cho các chi phí của Công ty, như chi phí nguyên liệu, vận chuyển và lãi suất vay, vì chúng thường được tính bằng USD. Công ty sẽ thường xuyên đưa ra những phân tích về tỷ giá để có thể đưa ra được những chiến lược phòng hộ linh hoạt và phù hợp nhất với hoàn cảnh.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Ngoài các rủi ro đã được nêu trên, các rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, lũ lụt, hoặc dịch bệnh cũng rất khó lường trước. Sự xuất hiện của những rủi ro này có thể gây ra tổn thất lớn cho Công ty, thậm chí ảnh hưởng đến cả nền kinh tế.

Do đó, Công ty luôn tiến hành các biện pháp phòng tránh rủi ro bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động, tài sản, hàng hoá, và xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo tiêu chuẩn an toàn theo quy định để đối phó trong trường hợp rủi ro xảy ra. Điều này giúp đảm bảo sự ổn định và sự liên tục của hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời bảo vệ các tài sản và nguồn lực quan trọng khỏi những tác động tiêu cực không mong muốn.



PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Năm 2023/ Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	677.794	634.678	93,64%
	<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>675.531</i>	<i>632.207</i>	<i>93,59%</i>
	<i>Doanh thu các hoạt động khác</i>	<i>2.263</i>	<i>2.471</i>	<i>109,19%</i>
2	Giá vốn hàng bán	587.252	571.191	97,27%
3	Lợi nhuận trước thuế	14.766	-761	-
4	Lợi nhuận sau thuế	11.536	-2.522	-

Năm 2023, thị trường dệt may tiếp tục đối mặt với nhiều trở ngại khi tình trạng lạm phát tăng cao sẽ kìm hãm khả năng chi tiêu tại các thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, nhiều quốc gia có xu hướng điều chỉnh chính sách tài khóa, tiền tệ theo hướng thắt chặt để kiềm chế lạm phát có thể có những tác động mạnh mẽ tới khả năng phục hồi và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây cũng sẽ tạo gánh nặng lên các doanh nghiệp trong ngành.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 của Công ty đạt 634.678 triệu đồng, bằng 93,64% so với năm 2022. Trong đó, doanh thu bán thành phẩm là hoạt động chính đem lại doanh thu cho Công ty khi tỷ trọng chiếm trên 99% cho cả 2 năm 2022 và 2023. Vì vậy, lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty cũng bị giảm mạnh, cụ thể lợi nhuận trước thuế giảm từ 14.766 triệu đồng trong năm 2022 xuống âm 761 triệu đồng trong năm 2023, và lợi nhuận sau thuế giảm từ 11.536 triệu đồng xuống âm 2.522 triệu đồng.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ % VĐL
1	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	39.400 (cá nhân) 314.291 (đại diện)	1,25% (cá nhân) 10% (đại diện)
2	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	14.800 (cá nhân)	0,47% (cá nhân)
3	Ông Văn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	26.755 (cá nhân)	0,85% (cá nhân)
4	Ông Nguyễn Thành An	Giám đốc điều hành	9.600 (cá nhân)	0,31% (cá nhân)
5	Ông Phạm Vũ Bằng	Giám đốc điều hành	11.000 (cá nhân)	0,35% (cá nhân)

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông: HỒ HAI - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 4/1994 đến 9/1997: Nhân viên Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 10/1997 đến 12/2001: Phó phòng Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 01/2002 đến 03/2002: Giám đốc Xí nghiệp tại Xí nghiệp May 2 trực thuộc Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 04/2002 đến 01/2008: Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 02/2008 đến 09/2009: Giám đốc điều hành tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 08/2009 đến 09/2010: Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 10/2010 đến nay: Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 39.400 CP, chiếm tỉ lệ 1,25%VĐL
- Sở hữu đại diện: 314.291 CP, chiếm tỉ lệ 10%VĐL



Ông: Đặng Trọng Tâm - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng kỹ thuật may

Quá trình công tác:

- Từ 1993 đến 1995: Nhân viên Kỹ thuật tại Tổng Công ty Cổ phần May Nhà Bè.
- Từ 1996 đến 2000: Trưởng ca sản xuất tại Tổng Công ty Cổ phần May Nhà Bè.
- Từ 2001 đến 2005: Phó Giám đốc Kỹ thuật tại Xí nghiệp 1 - Tổng Cty CP May Nhà Bè.
- Từ 2006 đến 2009: Giám đốc Xí nghiệp tại Xí nghiệp 1 - Tổng Cty CP May Nhà Bè.
- Từ 2009 đến 2010: Giám đốc Khu 3 tại Tổng Cty CP May Nhà Bè.
- Từ 2011 đến 2013: Trưởng Văn phòng đại diện tại Công ty TNHH Sumikin - Nhật Bản.
- Từ 2014 đến 2015: Giám đốc điều hành tại Công ty CP Vinatex Đà Nẵng.
- Từ 10/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc tại Công ty CP Vinatex Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Vinatex Nghĩa Hành.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 14.800 cổ phiếu, chiếm tỉ lệ 0,47%VĐL.

Ông: Văn Hữu Thành - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1963

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1985 đến 1986: Cán bộ tại Trọng tài kinh tế tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.
- Từ 1987 đến 1988: Cán bộ Kế toán tại Xí nghiệp thảm thêu Bình Trị Thiên.
- Từ 1989 đến 2002: Kế toán trưởng tại Công ty may Xuất khẩu Thừa Thiên Huế.
- Từ 2002 đến 2004: Giám đốc Xí nghiệp tại Xí nghiệp May 2A, Xí nghiệp May 2B trực thuộc Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng.
- Từ 2005 đến 2009: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng, Giám đốc Nhà máy May Dung Quất, Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ.
- Từ 2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 26.855 cổ phiếu, chiếm tỉ lệ 0,85%VĐL.

Ông: Nguyễn Thành An - Giám đốc điều hành

Năm sinh: 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 2003 đến 2004: Nhân viên tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng.
- Từ 2005 đến 2011: Phụ trách Kế hoạch tại Nhà máy may Phù Mỹ trực thuộc Cty CP Vinatex ĐN.
- Từ 2011 đến 2014: Phó giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ trực thuộc Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng.
- Từ 2014 đến 2016: Giám đốc Nhà máy may Phù Mỹ trực thuộc Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng.
- Từ 2016 đến 2019: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng và Giám đốc Nhà máy Phù Mỹ.
- Từ 2019 đến 2022: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng và Giám đốc Nhà máy Dung Quất.
- Từ 2022 đến nay: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng và Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 9.600 cổ phiếu, chiếm tỉ lệ 0,31%VĐL

Ông Phạm Vũ Bằng - Giám đốc điều hành

Năm sinh: 1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1993 đến 2006: Nhân viên Kế toán tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2006 đến 2007: Phó giám đốc Nhà máy may Nam Phước, trực thuộc Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2007 đến 2010: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2011 đến 2012: Phó giám đốc Nhà máy May Thanh Sơn, trực thuộc Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2012 đến 2013: Phó trưởng Phòng Tổ chức Hành Chính tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2014 đến 2019: Trưởng Phòng Tổ chức Hành Chính tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2020 đến nay: Giám đốc điều hành tại Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Giám đốc điều hành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 11.000 cổ phiếu, chiếm tỉ lệ 0,35%VĐL

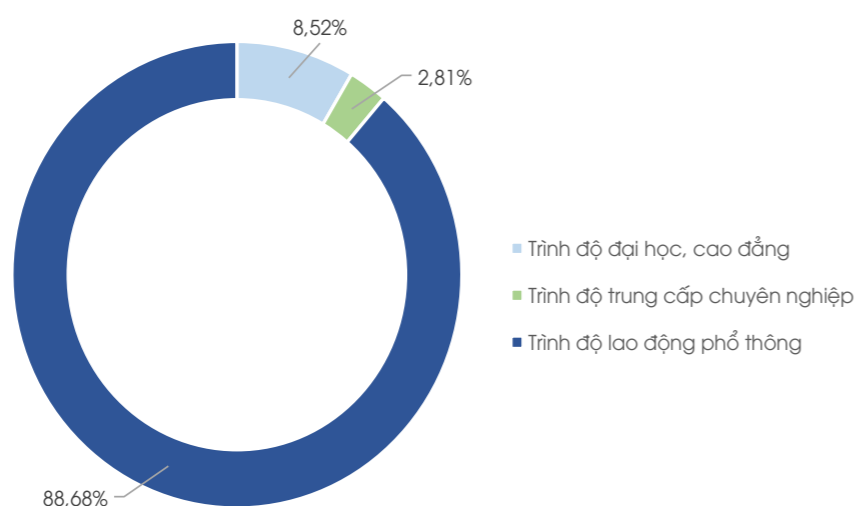
NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2023

- Căn cứ theo Nghị quyết số 09/CBTT - VDN ngày 17/07/2023, Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng thống nhất thông qua việc miễn nhiệm Ông Văn Hữu Thành - Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- Căn cứ Nghị quyết số 13/2023/NQ - HĐQT ngày 18/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng, quyết định bổ nhiệm ông Văn Hữu Thành với chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng.

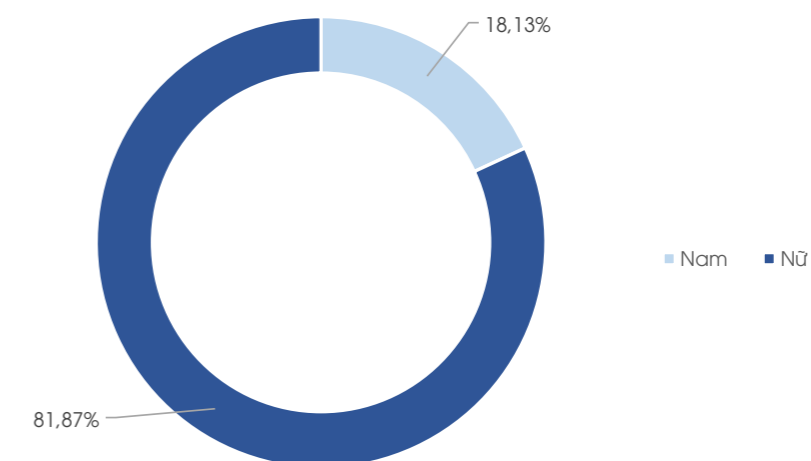
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	2.102	100%
1	Trình độ đại học, cao đẳng	179	8,52%
2	Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	59	2,81%
3	Trình độ lao động phổ thông	1.864	88,68%
B	Theo giới tính	2.102	100%
1	Nam	381	18,13%
2	Nữ	1.721	81,87%
B	Theo thời hạn hợp đồng lao động	2.102	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	896	42,63%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	1.206	57,37%

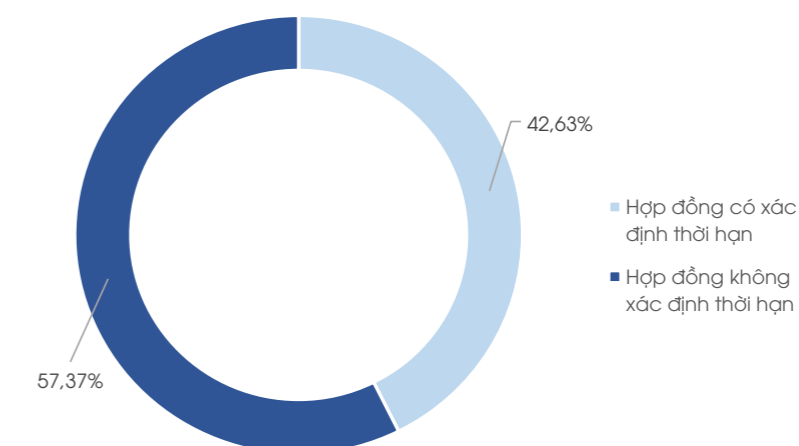
Theo trình độ lao động



Theo trình giới tính

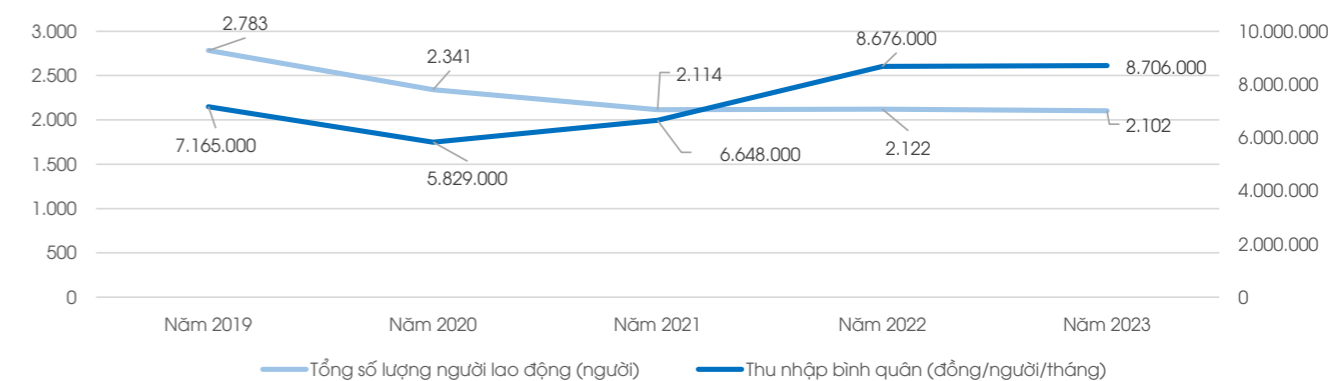


Theo thời hạn hợp đồng lao động



THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	2.783	2.341	2.114	2.122	2.102
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.165.000	5.829.000	6.648.000	8.676.000	8.606.000



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

Tại Vinatex Đà Nẵng, sự hòa nhập và phát triển kỹ năng của nhân sự mới được Công ty đặc biệt chú trọng. Các đơn vị chuyên môn trong công ty đóng vai trò hỗ trợ và hướng dẫn, đảm bảo mọi người mới có thể nhanh chóng bắt nhịp với công việc. Đối với những cá nhân chưa có kinh nghiệm, Công ty cung cấp các khóa học nghề chuyên sâu để họ có thể đạt được tiêu chuẩn cần thiết, trong khi những người đã có kỹ năng nghề nghiệp được phân công công việc phù hợp với năng lực và sở trường của họ.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển lãnh đạo và quản lý trong tương lai, công ty Công ty cũng tập trung vào việc tuyển chọn và đào tạo cán bộ nguồn, với mục tiêu phát triển họ theo hai hướng chính: quản lý và kỹ thuật công nghệ.

Mục tiêu này không chỉ nhằm bổ sung nguồn nhân lực kế cận mà còn đảm bảo có sẵn nguồn nhân sự dự phòng, sẵn sàng đảm nhận các vị trí quan trọng khi cần. Vinatex Đà Nẵng cố gắng sắp xếp các kinh phí tài trợ chi phí đào tạo cho nhân viên, đảm bảo họ không phải chịu bất kỳ khoản phí nào, phản ánh cam kết mạnh mẽ của công ty đối với việc phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.



Về tuyển dụng

Với mục tiêu góp phần tạo công ăn việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, Công ty có chính sách ưu tiên tuyển dụng nhân sự là người các địa phương lân cận nơi công ty đóng trụ sở. Đối với nhân sự chủ chốt tại các Phòng/Ban cần bằng cấp, trình độ và kinh nghiệm công ty luôn đưa ra các chính sách tốt để thu hút các ứng viên tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng có uy tín, các ứng viên có kinh nghiệm và tâm huyết muốn làm việc lâu dài tại công ty.

Đối với công nhân sản xuất trực tiếp, công ty liên tục tuyển dụng để bổ sung vào đường chuyền với nhiều chính sách hỗ trợ. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Quá trình tuyển dụng sẽ được tiến hành một cách công bằng và minh bạch đối với từng ứng viên, đảm bảo mọi ứng viên đều có cơ hội công bằng để chứng minh năng lực của mình. Điều này giúp tạo ra một môi trường làm việc tích cực và cơ hội phát triển bình đẳng cho tất cả nhân viên trong công ty. Khi đủ điều kiện, Công ty sẽ tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ, ngắn hạn và dài hạn.

Môi trường công việc

Việc tạo nên một môi trường làm việc chuyên nghiệp, có văn hoá, tích cực là điều mà Công ty luôn chú trọng. Công ty đã xây dựng nên những quy tắc, quy định về quy trình làm việc để các bộ phận phối hợp rõ ràng, thuận tiện hơn. Mỗi thành viên trong Công ty luôn được tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát huy tối đa năng lực bản thân và ghi nhận công sức đóng góp xứng đáng. Bên cạnh đó, Công ty ban hành và giám sát chặt chẽ việc thực hiện nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường đồng thời thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động nơi làm việc. Ngoài ra, các buổi hội thảo, chia sẻ cũng được Công ty quan tâm và tổ chức thường xuyên nhằm gia tăng tinh cảm, tinh thần đoàn kết, sẻ chia giữa các thành viên.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Ban lãnh đạo của Công ty không ngừng nghiên cứu và cải tiến chính sách lao động để đảm bảo phù hợp và bảo vệ đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định. Đồng thời, họ cũng đưa ra các chính sách đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút và giữ chân nhân tài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động nhất là lao động có chuyên môn và nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

Trong năm, Công ty đảm bảo đầy đủ việc làm và thu nhập cho người lao động. Thu nhập bình quân năm 2023 của người lao động trong Công ty đạt hơn 8,7 triệu đồng/ người/ tháng, tăng so với năm 2022.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2023 vừa qua, Công ty đã đầu tư thêm vào các loại máy móc và công cụ tự động, có thể kể đến như: Máy lập trình, máy thổi gòn, máy đính nút, ... Mục đích của việc này là để duy trì các hoạt động động sản xuất kinh doanh một cách trơn tru, nâng cao năng suất lao động cho nhân viên, nâng cao hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp.

Trong năm qua, Công ty cũng đã triển khai các bước thủ tục của dự án mở rộng Nhà máy Phù Mỹ.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Số lượng CP tại ngày 31/12/2023	Tỷ lệ vốn của Công ty
Công ty con				
1	Công ty CP may Vinatex Nghĩa Hành	Cụm Công nghiệp Đồng Dinh, thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	1.530.000	51%
Công ty liên kết				
1	Công ty CP may Vinatex Đức Phổ	Cụm Công nghiệp Phổ Hoà, thôn An Thường, xã Phổ Hoà, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	600.000	24%
2	Công ty TNHH giặt tẩy Nhà Bè	Cụm Công nghiệp Trung An, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	9,3 tỷ đồng	31%

ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Số lượng CP tại ngày 31/12/2023	Tỷ lệ vốn của Công ty
1	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Nam Định (NDT)	Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định	30.000	0,2%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	494.226	420.273	85,04%
2	Doanh thu thuần	677.676	634.435	93,62%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.457	1.994	13,79%
4	Lợi nhuận khác	310	-2.755	-
5	Lợi nhuận trước thuế	14.766	-761	-
6	Lợi nhuận sau thuế	11.536	-2.522	-
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	-

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đang gặp nhiều khó khăn do suy thoái và tác động kéo dài từ xung đột giữa Nga và Ukraine, Vinatex Đà Nẵng đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng. Sự suy giảm của thị trường đã dẫn đến việc tồn kho lớn, số lượng đơn hàng giảm sút cùng với việc các đơn hàng có kích thước nhỏ hơn, làm ảnh hưởng đến công ăn việc làm và thu nhập của người lao động. Thêm vào đó, sự chậm trễ liên tục trong việc cung cấp nguyên phụ liệu đã gây khó khăn cho quá trình sản xuất, trong khi chi phí logistic tăng cao đã làm giảm hiệu quả kinh doanh.

Tuy nhiên, bất chấp những thách thức này, Công ty đã nỗ lực đạt được một số thành công đáng kể. Công ty đã đảm bảo việc làm cho người lao động suốt cả năm, một thành tựu không nhỏ giữa bối cảnh hiện nay. Chúng tôi đã linh hoạt tổ chức sản xuất để thích nghi với thị trường, chuyển hướng sang sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm khác nhau để đối phó với điều kiện khó khăn. Ngoài ra, Vinatex Đà Nẵng đã duy trì được mức thu nhập ổn định cho người lao động và đảm bảo rằng công ty vẫn duy trì được lợi nhuận, mặc dù không cao, nhưng là bước tiến quan trọng trong việc duy trì hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khó khăn này.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,95	0,93
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,57	0,55
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	83,55	82,86
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	507,78	477,27
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,05	4,48
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,80	1,39
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,7	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,96	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,07	-
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,13	0,31

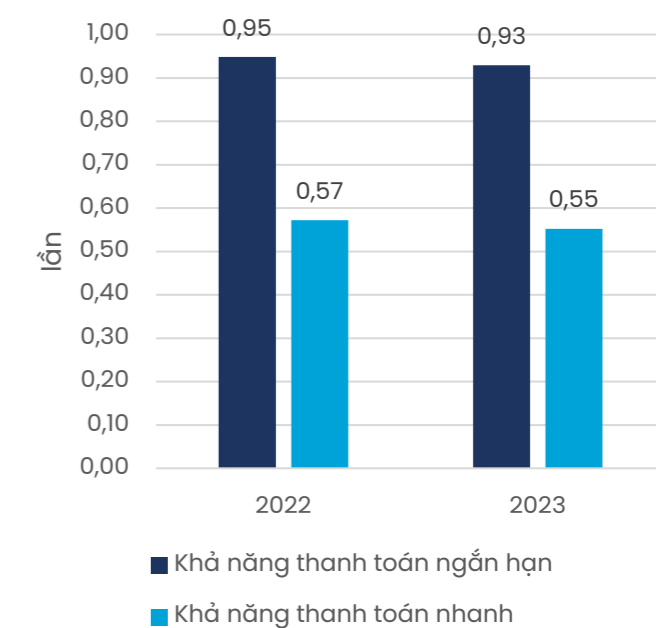


Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán của Công ty vào cuối năm 2023 đều giảm nhẹ so với năm 2022. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty giảm từ 0,95 vào cuối năm 2022 xuống 0,93 vào cuối năm 2023, và hệ số thanh toán nhanh của Công ty giảm từ 0,57 xuống còn 0,55.

Tài sản ngắn hạn của Công ty giảm từ 348.628 triệu đồng vào cuối năm 2022 xuống 287.141 triệu đồng tại ngày cuối năm 2023. Bên cạnh đó thì nợ ngắn hạn của Công ty cũng giảm khá đáng kể trong năm 2023, tại ngày 31/12/2023, Công ty ghi nhận 308.855 triệu đồng tiền nợ ngắn hạn, giảm từ 367.598 triệu đồng tại cuối năm 2022. Ngoài ra, hàng tồn kho của Công ty cũng ghi nhận sự giảm nhẹ trong năm 2023, được ghi nhận 117.080 triệu đồng vào cuối năm 2023.

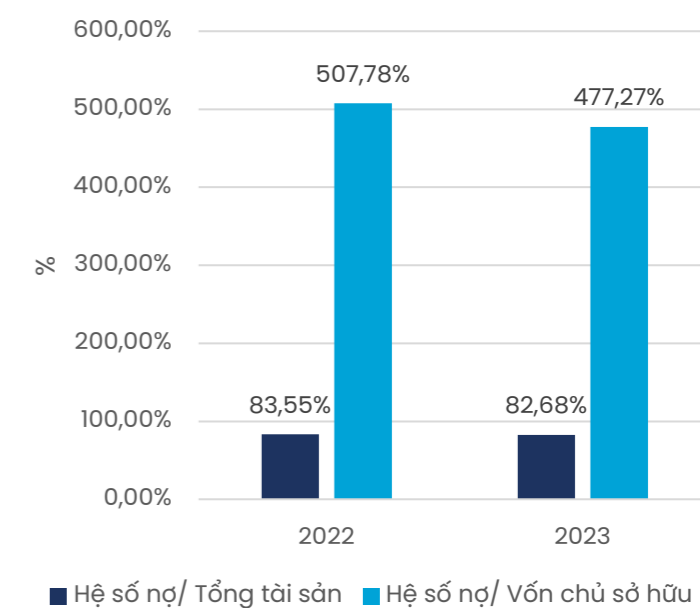
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/Tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm 2023 đều giảm nhẹ so với năm 2022 do trong năm 2023, tình hình kinh tế chung khó khăn nên Công ty không vay mượn nhiều để mở rộng thêm hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, tại ngày cuối cùng của năm 2023, hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt là 82,86% và 477,27%. Trong năm 2023, tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, và vốn chủ sở hữu của Công ty đều giảm so với năm 2022.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

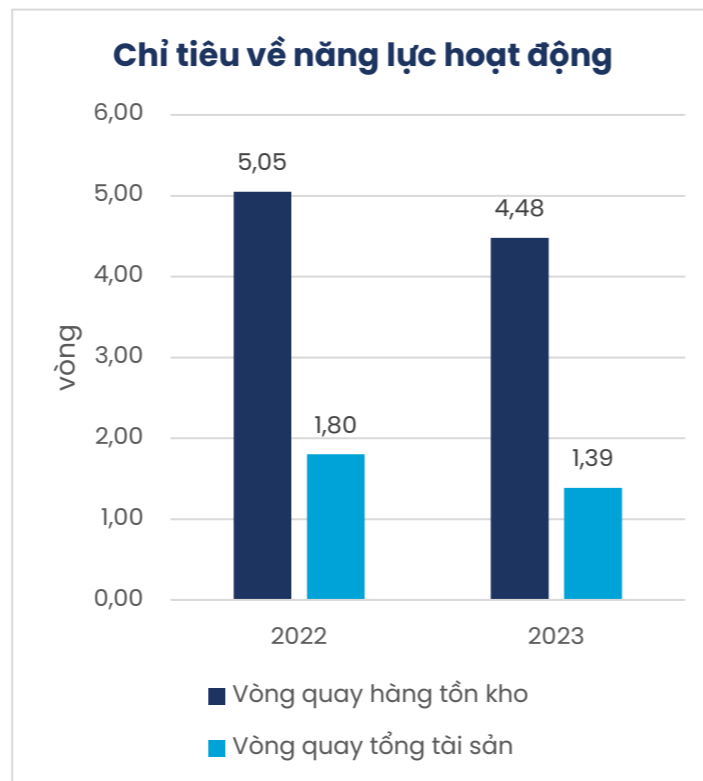
Kết thúc năm 2023, chỉ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm nhẹ từ 5,05 xuống 4,48. Trong năm 2023, hàng tồn kho của Công ty giảm nhẹ từ 138.681 triệu đồng tại cuối năm 2022 xuống 117.080 triệu đồng tại cuối năm 2023, và giá vốn hàng bán của Công ty giảm không đáng kể so với năm 2022, ghi nhận đạt 571.191 triệu đồng tại cuối năm 2023. Điều này tác động đến chỉ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty.

Với chỉ số về vòng quay tổng tài sản, chỉ số này của Công ty cũng giảm nhẹ trong năm 2023 từ 1,80 vòng trong năm 2022 xuống 1,39 vòng. Chỉ số này bị ảnh hưởng chủ yếu là Công ty đã bị giảm mạnh doanh thu thuần và tổng tài sản có chút sụt giảm so với năm trước.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2023, lợi nhuận của Công ty giảm so với năm 2022, ghi nhận âm 2.522 triệu đồng. Các chỉ số về khả năng sinh lời đều giảm so với năm 2022.

Năm 2023, năm phục hồi thứ hai sau đại dịch Covid 19, cũng là năm thứ ba trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm của Nhà nước. Bước vào giai đoạn chuyển dịch, nền kinh tế suy thoái toàn cầu, toàn ngành dệt may cũng như Vinatex Đà Nẵng đối mặt với hàng loạt khó khăn. Trong đó, giải quyết lượng hàng tồn kho và kiểm soát chi phí là hai bài toán khó nhất đối với doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, đã có những doanh nghiệp phải cắt giảm lượng lớn nhân công để hạn chế chi phí. Đối với Công ty, bằng sự đoàn kết đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên người lao động cùng với những quyết sách đúng đắn đưa ra ngay từ kế hoạch đầu năm, Công ty đã cố gắng hết sức để chăm lo đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 149.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.993.910 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời gian	VĐL trước khi tăng vốn (theo mệnh giá)	Tăng vốn (theo mệnh giá)	VĐL sau khi tăng vốn (theo mệnh giá)	Phương thức
2005				Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 142/2004/QĐ-BCN ngày 23/11/2004 của Bộ Công nghiệp chuyển sang loại hình công ty cổ phần. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000715 ngày 8/8/2005 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng.
2006	10.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	<ul style="list-style-type: none"> Bán cho cổ đông hiện hữu và CBCNV 850.000 cổ phiếu với giá 11.000 đ/cp Bán cho đối tác chiến lược 150.000 cổ phiếu với giá 15.000 đ/cp
2016	20.000.000.000	9.939.100.000	29.939.100.000	Chào bán chứng khoán ra công chúng
2023	29.939.100.000	1.490.000.000	31.429.100.000	Phát hành cổ phiếu cho người lao động

Các chứng khoán khác: Không có



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng) (theo mệnh giá)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	2.599.625	25.996.250.000	82,71%
	- Trong nước	2.599.625	25.996.250.000	82,71%
	- Nước ngoài	-	-	-
4	Công đoàn công ty	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	12.180	121.800.000	0,39%
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-
7	Cổ đông khác	531.105	5.311.050.000	16,90%
	- Trong nước	531.005	5.310.050.000	16,90%
	- Nước ngoài	100	1.000.000	0,003%
TỔNG CỘNG		3.142.910	31.429.100.000	100,00%

Trong đó:

- Trong nước	3.130.630	31.306.300.000	99,61%
- Nước ngoài	100	1.000.000	0,003%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Số lượng CP nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
1	LÊ THỨC ĐỨC	489.910	15,59%
2	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	245.925	7,82%
3	TRẦN LINH TRANG	245.925	7,82%
4	CÔNG TY CỔ PHẦN 4M	717.865	22,84%
5	TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM	900.000	28,64%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Trong năm 2023, để tối ưu hóa hiệu suất năng lượng trong quá trình sản xuất và giảm thiểu lượng khí thải, Công ty đã luôn theo dõi và cập nhật nhanh chóng các quy định mới nhất về môi trường, từ đó đưa ra biện pháp tuân thủ theo quy định để đảm bảo hoạt động thi công các công trình xây dựng của Công ty đáp ứng được các yêu cầu về giảm phát thải và bảo vệ môi trường.

Công ty ý thức được tầm quan trọng của việc phát triển bền vững khi kết hợp hài hòa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ thế giới xanh. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và nhà nước trong các vấn đề liên quan đến môi trường. Bên cạnh đó, hàng năm Công ty đều thực hiện đánh giá kỹ lưỡng những tác động liên quan đến môi trường trong việc sản xuất kinh doanh của mình.

Để giảm phát thải nhà kính trong ngành công nghiệp dệt may, công ty đã thực hiện một số biện pháp sau:

- **Tối ưu hóa quy trình sản xuất:** Áp dụng công nghệ sản xuất hiệu quả hơn và tiết kiệm tài nguyên. Sử dụng các phương pháp sản xuất sạch sẽ và tiết kiệm năng lượng, cũng như chọn lựa nguyên liệu và quy trình sản xuất ít tổn năng lượng và gây ra ít phát thải.
- **Tăng cường tái chế và tái sử dụng:** Phát triển chính sách và quy trình tái chế để tái sử dụng lại các vật liệu và sản phẩm, giảm lượng rác thải và phát thải nhà kính. Đồng thời, khuyến khích nhân viên tham gia vào việc phân loại rác và tái chế tại nơi làm việc.
- **Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo:** Chuyển đổi sang sử dụng nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời, gió hoặc năng lượng từ sinh khối để thay thế cho năng lượng từ các nguồn hóa thạch. Điều này giúp giảm lượng khí thải CO₂ từ quá trình sản xuất.
- **Cải thiện hiệu suất sử dụng nước:** Sử dụng các kỹ thuật tiên tiến và thiết bị hiệu quả hơn để tiết kiệm nước trong các quy trình sản xuất như giặt giũ và xử lý vải.
- **Đầu tư hệ thống cây xanh:** Trồng thêm cây xanh bao quanh các khu vực sản xuất nhằm giảm thiểu tác hại của khói bụi lên môi trường.
- **Xử lý khói bụi:** Trang bị hệ thống thiết bị xử lý khói, bụi cho tất cả các lò hơi sử dụng trong hoạt động sản xuất.



Tiêu thụ nước

VDN đặt ra mục tiêu sử dụng công nghệ tiết kiệm nước và thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của hoạt động kinh doanh đến tài nguyên nước và môi trường. Công ty cũng có đưa ra các biện pháp xử lý nước thải hợp lý trong các hoạt động như:

- Thực hiện việc quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải, nước nguồn tiếp nhận, chế độ thông tin báo cáo theo quy định trong giấy phép xả nước thải được cấp.
 - + Quan trắc định kỳ hàng năm.
 - + Định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Lượng nước thải sản xuất phát sinh các tháng trong năm 2023 tại tất cả các nhà máy đều không vượt lưu lượng theo đăng ký xả thải. Tại các đợt quan trắc tất cả các thông số đều nằm trong ngưỡng giá trị của quy chuẩn cho phép Hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, có cán bộ chuyên trách, thường xuyên được bảo dưỡng.
- Trong năm 2023, không có sự cố phát sinh trong quá trình xử lý nước thải gây ảnh hưởng tới môi trường.

Tiêu thụ năng lượng

VDN luôn ý thức được việc sử dụng tiết kiệm năng lượng và đã có những hành động cụ thể để nghiêm túc thực hiện việc này trên phạm vi toàn Công ty. Công ty chủ yếu sử dụng năng lượng điện với mục đích vận hành máy móc, và mở đèn sáng trong Công ty. Để tiết kiệm năng lượng, Công ty tuyên truyền cho mọi người với ý thức giảm thiểu tiêu thụ điện năng không cần thiết bằng cách tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, rà soát và kiểm tra kỹ lưỡng các trang thiết bị điện, máy móc để bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo chúng hoạt động hiệu quả và ít tiêu hao năng lượng. Ngoài ra, Công ty cũng dần chuyển sang sử dụng điện mặt trời với mục đích sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải chất khí.

Công ty chủ yếu sử dụng điện, than, dầu diesel để chạy các thiết bị trong quá trình tổ chức sản xuất; các nồi hơi đảm bảo xử lý khí thải theo đúng quy định. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ cho từng loại năng lượng là:

- Than đá: 615 tấn
- Gas: 9,724 tấn
- Điện: 4.359.809 kWh



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lượng lao động năm 2023: 2.102 người

Mức lương trung bình: 8.606.000 đồng

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty luôn đặt sự quan tâm và tập trung vào việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác được công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.

Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chú trọng đến việc chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội. Việc thực hiện đo kiểm môi trường lao động hàng năm giúp đánh giá và điều chỉnh môi trường làm việc để phù hợp và đảm bảo an toàn, sạch sẽ cho nhân viên.

Nhân viên được tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bao gồm cả kiểm tra bệnh nghề nghiệp và được đào tạo sơ cấp cứu. Họ cũng được cung cấp thuốc phòng bệnh và tham gia các buổi đào tạo theo quy định của pháp luật. Điều này giúp tạo ra một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, nơi mà nhân viên có thể phát triển và làm việc hiệu quả.

Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty luôn để tâm đến trình độ những người lao động của mình, và điều này được thể hiện qua việc ban hành các quy chế hỗ trợ người lao động trong việc đào tạo nhằm nâng cao tay nghề phục vụ sản xuất kinh doanh. Công ty chịu trách nhiệm hỗ trợ toàn bộ chi phí đào tạo và thường xuyên cập nhật kiến thức sản xuất cho các công nhân, bao gồm cả những nhân viên có kinh nghiệm trong công ty. Hàng năm, Công ty thực hiện kiểm tra và đánh giá tay nghề của từng công nhân để đảm bảo chất lượng và hiệu suất làm việc. Điều này giúp tạo ra một môi trường làm việc tích cực và động viên nhân viên hướng tới sự phát triển và nâng cao trình độ chuyên môn.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

VDN luôn tuân thủ các quy định khắt khe về việc sử dụng hóa chất, kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu vào của nguyên liệu và sử dụng chúng có hiệu quả, hợp lý nhằm giảm thiểu chi phí và đem lại lợi nhuận cho Công ty cũng như bảo vệ môi trường xung quanh. Ngoài ra, đối với rác thải sinh hoạt hàng ngày, Công ty có ký hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng thu gom theo đúng quy định.

Công ty luôn đặt ưu tiên cao vào việc phát triển và theo dõi chặt chẽ quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn nghiêm ngặt. Quy trình này bao gồm các bước từ giao tiếp và thương lượng với khách hàng, đến việc tính toán định mức nguyên vật liệu cần thiết cho mỗi sản phẩm, và phát triển quy trình thiết kế kỹ thuật và công nghệ được tài liệu hóa cho mỗi loại sản phẩm dựa trên yêu cầu của khách hàng. Mục tiêu là giảm thiểu tối đa tỷ lệ sản phẩm lỗi, hạn chế lãng phí nguyên liệu.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là một đơn vị có hoạt động lâu năm trong lĩnh vực dệt may tại thị trường Việt Nam, Công ty luôn đặt trách nhiệm đóng góp vào hoạt động bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng. Năm 2023, khối lượng nước thải của Công ty là 14.872 m³.

Các nhà máy của Công ty đều đáp ứng các tiêu chuẩn của pháp luật về bảo vệ môi trường, các nhà máy được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất như hệ thống làm mát, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống hút bụi, ...

Đối với phòng chống cháy nổ, Đội Phòng chống cháy nổ được huấn luyện định kỳ hàng năm, và hằng tuần Công ty kiểm tra và thay thế các thiết bị phòng cháy chữa cháy. Trong năm 2023, không có sự cố cháy nổ nào xảy ra, đảm bảo an toàn tài sản và con người.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các công tác phục vụ, giúp ích cho cộng đồng và xã hội là điều Công ty rất quan tâm tới bên cạnh việc sản xuất kinh doanh. Trong năm qua, Công ty đã tham gia vào các hoạt động thiện nguyện giúp đỡ những người dân địa phương như ủng hộ trẻ em nghèo miền núi, trao tặng những món quà thiết thực cho bà con gặp khó khăn, ủng hộ hiện vật cho các cháu học sinh giỏi hiếu học ở vùng sâu vùng xa, và ủng hộ các bộ đội biên phòng, hải đảo xa xôi.



PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức chính sách và quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường

và xã hội

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động 2023

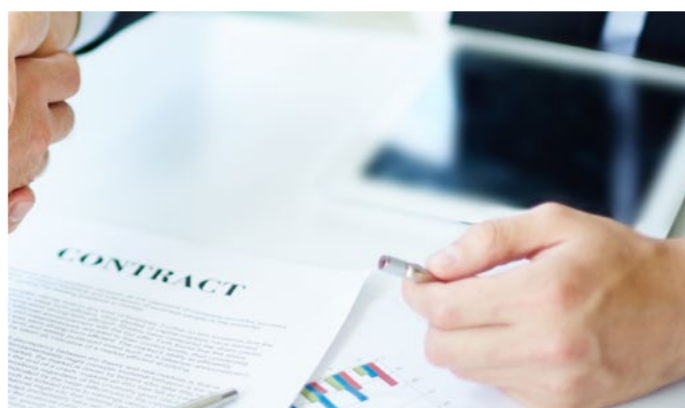
Thuận lợi

- Mặc dù kim ngạch xuất khẩu giảm, nhưng trong năm 2023 ngành dệt may ghi nhận kỉ lục khi xuất khẩu được ra rất nhiều thị trường (104 nước). Đây là một dấu hiệu tích cực cho đà phát triển mạnh mẽ của ngành trong tương lai.
- Việc Trung Quốc mở cửa trở lại vào đầu năm 2023 giúp ích rất nhiều trong việc lưu thông vận chuyển hàng hoá, hàng tồn kho khi đây vẫn là quốc gia mà Công ty nhập khẩu phần lớn nguyên vật liệu đầu vào.
- Công ty có đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực sợi, gắn bó lâu dài với Công ty; đội ngũ công nhân sản xuất lành nghề, thành thạo; hệ thống máy móc được đầu tư tiên tiến, hiện đại.
- Các nhà máy vẫn đang tổ chức sản xuất tốt và năng suất lao động tiếp tục tăng trưởng và công tác quy hoạch thị trường rất rõ nét và tích cực.



Khó khăn

- Thị trường vẫn đang rất khó khăn trong năm 2023 nói chung, và ngành dệt may nói riêng khi sức mua toàn cầu giảm. Chi tiêu cho các mặt hàng không thiết yếu và tiêu dùng giảm ở hầu hết các thị trường lớn mà Công ty xuất khẩu sang như Mỹ, Nhật, Châu Âu, theo đó tiêu dùng quần áo của Mỹ, thị trường lớn nhất, là -0,2% YoY dưới áp lực lạm phát cao và khoản tiết kiệm tích lũy cạn kiệt. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu dệt may giảm 9% so với năm 2022.
- Trong bối cảnh lạm phát leo thang hiện nay, ngành dệt may đang đối diện với chi phí cao hơn như chi phí nguyên vật liệu, chi phí logistic.
- Ngành dệt may luôn phải đối mặt với một khó khăn muôn thuở là nhu cầu nguồn lực lớn, bao gồm cả vốn, công nghệ và con người. Trình độ công nghệ trong nước còn rất hạn chế khi giá lao động có xu hướng ngày càng tăng, điều này ảnh hưởng lớn đến năng suất, chi phí và doanh thu của Công ty trong quá trình sản xuất.
- Ngoài ra, Công ty còn phải đối diện phải những đòi hỏi khắt khe hơn từ các nhãn hàng như giảm đơn giá, đơn hàng số lượng nhỏ lẻ, thời gian giao hàng gấp, chất lượng sản phẩm cao hơn, tuân thủ các chính sách tiết kiệm năng lượng và giảm khí thải.



Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	So sánh cùng kỳ
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	611	604	98,85%
Doanh thu CM	USD	12.628.000	12.016.000	95,15%
Lao động	Người	2.132	2.103	98,64%
Thu nhập bq	đồng/Ng/tháng	8.678.000	8.606.000	99,17%
L.nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,147	7,102	46,89%

Trong năm 2023, tình hình kinh tế thế giới nói chung & kinh tế Việt Nam nói riêng gặp rất nhiều khó khăn, tồn kho lớn, đơn đặt hàng giảm & giá giảm sâu, chi phí logistic gia tăng làm giảm hiệu quả SXKD. Mặc dù vậy, với sự định hướng của HĐQT & sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Ban điều hành, kết quả SXKD của Công ty cũng đã đạt được những thành quả nhất định, đảm bảo việc làm & thu nhập cho người lao động, các chỉ số SXKD năm 2023 (Doanh thu, lao động, thu nhập .v.v) đều đạt ở mức cao so với năm 2022

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Nâng cao năng suất lao động các đơn hàng số trường: Quần tây đạt từ 22 pcs đến 25 pcs/người/ngày, Jacket đạt từ 10 pcs đến 15 pcs/người/ngày.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		TH 2023 / TH 2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	348.628	70,54%	287.141	68,32%	82,36%
Tài sản dài hạn	145.598	29,46%	133.132	31,68%	91,44%
Tổng tài sản	494.226	100%	420.273	100%	85,04%

Tại ngày 31/12/2023, tổng giá trị tài sản của Công ty ghi nhận đạt 420.273 triệu đồng, bằng 85,04% so với năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc tài sản ngắn hạn của Công ty bị giảm từ 348.628 triệu đồng xuống 287.141 triệu đồng. Trong đó, khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm từ 158.805 triệu đồng xuống 117.897 triệu đồng, nguyên nhân là do Công ty đã thu hồi công nợ từ các khách hàng lớn như Supreme International LLC và Fishman and Tobin Inc trong năm 2023. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn của Công ty cũng ghi nhận giảm nhẹ từ 145.598 triệu đồng vào cuối năm 2022 xuống 33.132 triệu đồng tại cuối năm 2023.



Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá (triệu đồng)	Giá trị còn lại (triệu đồng)	Giá trị còn lại / Nguyên giá
Nhà cửa, kiến trúc	121.183	69.208	57,11%
Máy móc, thiết bị	132.974	27.202	20,46%
Phương tiện vận tải	27.791	16.720	60,16%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.172	279	8,80%
Cộng	285.120	113.408	39,78%

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá (triệu đồng)	Giá trị còn lại (triệu đồng)	Giá trị còn lại / Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	7.980	7.980	100%
Phần mềm máy tính	1.851	494	26,69%
Cộng	9.831	8.474	86,20%



Tình hình Nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		%2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	367.598	89,02%	308.855	88,89%	84,02%
Nợ dài hạn	45.311	10,98%	38.615	11,11%	85,22%
Tổng nợ phải trả	412.909	100%	347.470	100%	84,15%

Tổng nợ phải trả của Công ty ghi nhận đạt 347.470 triệu đồng tại cuối năm 2023, giảm từ 412.909 triệu tại cuối năm 2022. Nguyên nhân là do trong năm 2023, nợ ngắn hạn giảm 84,02% so với năm 2022 tương đương với 308.855 triệu đồng, ảnh hưởng lớn tới tổng nợ phải trả khi nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn lên tới 88,89% trong năm 2023. Lý do cho việc nợ ngắn hạn giảm là do trong năm 2023, Công ty đã giảm được bớt nợ các khoản phải trả khách hàng, người lao động và các khoản phải trả khác, ngoài ra thì Công ty cũng không vay nợ thêm để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong một năm đầy khó khăn như 2023.

Nợ dài hạn của Công ty cũng ghi nhận sự sụt giảm nhẹ từ 45.311 triệu đồng xuống 38.615 triệu đồng, tuy nhiên, do chiếm tỷ trọng ít nên nợ dài hạn nhìn chung không ảnh hưởng nhiều đến giá trị tổng nợ phải trả của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Công tác Quản trị nguồn nhân lực

Đảm bảo việc làm cho hơn 2000 lao động với mức thu nhập bình quân ngang bằng với năm 2022 (8,6 triệu đồng/người/tháng)

Ký kết hợp đồng lao động & tham gia đầy đủ các chế độ đối với người lao động: BHXH-BHYT-BHTN, bảo hiểm thân thể cho tất cả CBCNV.

Tổ chức tham gia Hội thi thợ giỏi ngành (Sản phẩm dệt kim & sản phẩm dệt thoi) nhằm học hỏi kinh nghiệm, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

Thưởng cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết, thưởng lương tháng 13 và tặng quà cho người lao động nhân dịp Tết nguyên đán.

Tổ chức tuyển dụng lao động có trình độ tay nghề, đáp ứng đủ định biên cho các đơn vị tổ chức sản xuất.

Công tác tổ chức sản xuất

Tổ chức sản xuất thích ứng nhanh với nhiều chủng loại sản phẩm trong điều kiện khó khăn của thị trường (Bảo hộ lao động, Jacket, quần tây, váy, sơ mi .v.v)

Thực hiện tốt công tác chuyển đổi ngoài, chuẩn bị đầy đủ & kịp thời các điều kiện sản xuất (mẫu, rập, sơ đồ, NPL .v.v) cho các nhà máy.

Duy trì hoạt động của Hội đồng sáng tạo, liên tục nghiên cứu đưa các công đoạn khó phức tạp lên thiết bị lập trình, hạn chế phụ thuộc vào trình độ tay nghề người lao động.

Nâng cao năng suất lao động các đơn hàng số trường: Quần tây đạt từ 22 pcs đến 25 pcs/người/ngày, Jacket đạt từ 10 pcs đến 15 pcs/người/ngày.



Công tác Tài chính Kế toán

Duy trì công tác Kế toán quản trị, kịp thời phân tích chi phí & hiệu quả SXKD hàng tháng.

Đàm phán & Cơ cấu lại việc sử dụng vốn vay tại các tổ chức tín dụng với lãi suất vay hợp lý, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty.

Kiểm soát chặt chẽ công tác thu hồi công nợ, theo dõi hàng tồn kho để giảm thiểu rủi ro.

Kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh tại các đơn vị, nâng cao hiệu quả SXKD toàn Công ty.

Công tác Thị trường

Khai thác đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo đủ đơn hàng để đủ việc làm cho người lao động trong toàn hệ thống.

Theo dõi sát sao diễn biến của thị trường, kịp thời cơ cấu chủng loại hàng hóa, xây dựng phương án dự phòng để điều phối đủ hàng cho các nhà máy sản xuất.

Linh hoạt trong đàm phán để giữ chân được khách hàng và cùng chia sẻ khó khăn với khách hàng, khai thác thêm 1 số khách hàng mới (Avodah, OOdji) phù hợp với tính chuyên môn tại các đơn vị.

Các công tác khác

Thực hiện công tác đầu tư chiều sâu thiết bị chuyên dùng nâng cao năng suất lao động.

Tổ chức đánh giá công tác trách nhiệm xã hội đến từng nhà máy trong toàn hệ thống (WRAP, C-TPAT, SLCP, Smeta, Hig FEM, Koh'l, Macy's, FCCA, COC) đảm bảo điều kiện tiếp nhận đơn hàng.

Đảm bảo công tác PCCC, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, công tác phòng chống bão lụt giúp ổn định hoạt động SXKD.

Tham gia tích cực các hoạt động xã hội: Ủng hộ học sinh miền núi Nam Trà My (Tỉnh Quảng Nam), ủng hộ con em ngư dân quận Sơn Trà (TP.Đà Nẵng) .v.v

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2024

Kế hoạch sản xuất trong năm 2024

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2024
Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	710
Tổng doanh thu CM	Triệu USD	16.803.000
Lao động bạ	Người	2.399
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	10.233.000
Cổ tức	%	20

Năm 2024, dự báo kinh tế thế giới còn nhiều biến động. Thách thức với doanh nghiệp dệt may chưa dừng lại khi ngày càng nhiều thị trường nhập khẩu dệt may lớn đưa ra những quy định mới mang tính bắt buộc liên quan tới thẩm định quyền Con người và Môi trường trong Chuỗi cung ứng, quy định thiết kế sinh thái, sản phẩm tái chế, xử lý chất thải dệt may...

Ngành dệt may Việt Nam vẫn có những ưu thế so với các quốc gia cạnh tranh. Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 19 Hiệp định thương mại tự do (trong đó: 16 FTA đã ký kết và thực thi; 3 FTA đang trong quá trình đàm phán) và là quốc gia duy nhất ký kết Hiệp định thương mại tự do với tất cả các đối tác kinh tế lớn trên toàn cầu như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Anh, Nga. Đặc biệt, Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giày Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035 được Chính Phủ phê duyệt mới đây sẽ là nền móng thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực sợi - dệt - nhuộm, tạo cơ hội cho ngành dệt may tận dụng ưu đãi từ các Hiệp định.

Thách thức với dệt may trong năm 2024 vẫn còn rất lớn, nhu cầu thị trường với sản phẩm dệt may dự kiến sẽ cải thiện hơn năm 2023, do tình hình kinh tế tại các thị trường nhập khẩu dệt may lớn của Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi, mục tiêu toàn ngành dệt may Việt Nam năm 2024 đạt kim ngạch xuất khẩu 44 tỷ USD.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

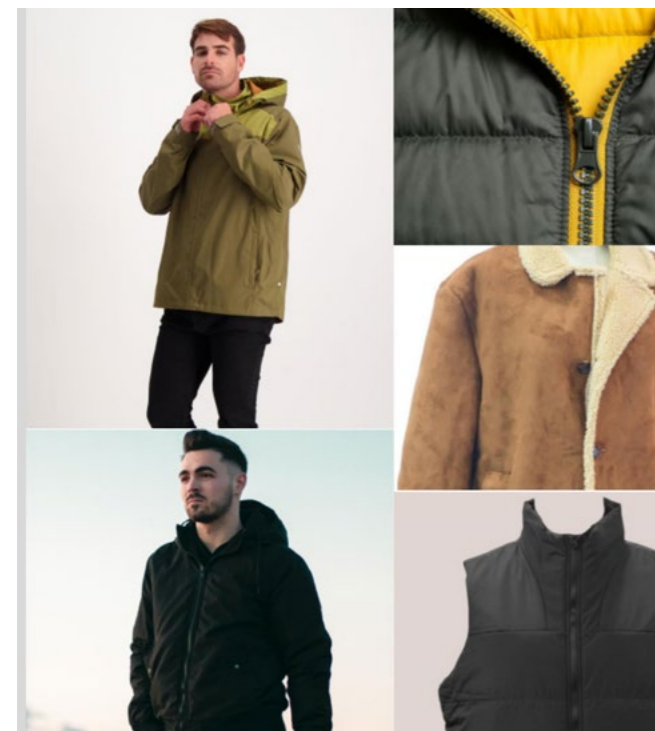


Giải pháp thực hiện

Năm 2024, tình hình kinh tế thế giới vẫn diễn biến phức tạp & nhiều khó khăn. Nhằm hoàn thành Kế hoạch SXKD năm 2024 cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, cụ thể như sau:

Giải pháp về Thị trường

- Qui hoạch thị trường, hàng hóa chuẩn mực cho từng nhà máy theo hướng chuyên môn hóa cao.
- Tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến của thị trường để kịp thời cơ cấu chủng loại hàng hóa, khách hàng, khai thác đủ nguồn hàng cho các nhà máy trong toàn hệ thống đảm bảo sản xuất.
- Nhạy bén & đột phá trong công tác thị trường, khéo léo trong đàm phán điều kiện thanh toán với khách hàng, phát triển thêm thị trường mới & sản phẩm mới, không phụ thuộc vào một khách hàng.
- Tiếp tục nâng cấp hình thức kinh doanh cao hơn hình thức FOB hiện nay (OEM, ODM, OBM).



Giải pháp về Quản trị sản xuất

- Duy trì & phát huy hoạt động của Hội đồng sáng tạo, sáng kiến cải tiến nhằm khơi dậy tinh thần sáng kiến, cải tiến liên tục trong toàn Công ty, góp phần nâng cao năng suất lao động.
- Kiểm soát chất lượng toàn diện tại tất cả các khâu của qui trình tổ chức sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, tạo niềm tin vững chắc với khách hàng.
- Chuyển đổi ngoài & chuyển đổi sản xuất nhanh với hầu hết các chủng loại sản phẩm.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số (3D) vào công tác Kỹ thuật công nghệ, nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn.

Giải pháp về nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ để nâng cao kỹ năng & trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho Cán bộ quản lý Công ty giỏi về công nghệ & quản trị sản xuất để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Tập trung tuyển dụng lao động có chọn lọc, tuyển dụng lao động có trình độ tay nghề theo kế hoạch, yêu cầu của đơn vị.
- Xây dựng các chính sách tuyển dụng lao động phù hợp để giữ chân lao động cũ và thu hút thêm lao động mới có chất lượng (Kỹ thuật triển khai, QA, sơ đồ, thiết kế).
- Tiếp tục chăm lo đời sống của người lao động (môi trường làm việc & điều kiện làm việc, bữa ăn giữa ca, các phúc lợi .v.v) để ổn định nguồn nhân lực.



Giải pháp về Tài chính

- Nắm bắt tình hình tài chính của các khách hàng & điều kiện thanh toán của từng khách hàng, phòng KDTT phối hợp cùng với phòng Tài chính Kế toán tích cực thu hồi công nợ, giảm thiểu các rủi ro ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính & hiệu quả SXKD của Công ty.
- Quản lý chặt chẽ hàng tồn kho, quản lý dòng tiền đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD & nhu cầu đầu tư của Công ty.
- Tăng cường quản lý phần vốn của Công ty tại Công ty con, Công ty liên kết nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, linh hoạt và cân đối vốn vay với lãi suất hợp lý tốt nhất.
- Linh hoạt trong công tác tài chính, khi nào vay USD và khi nào thì vay VNĐ để đảm bảo hiệu quả, chọn các ngân hàng đồng hành với Công ty
- Thực hành triệt để công tác tiết kiệm, nâng cao hiệu quả SXKD tại các đơn vị và toàn Công ty.

Các giải pháp khác

- Xây dựng & tổ chức thực hiện đồng bộ việc đánh giá các tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội đối với toàn bộ các nhà máy trong toàn hệ thống (WRAP, C-TPAT, SLCP, Smeta, BSCI, Labs, Hig FEM, FCCA, COC) đảm bảo đủ điều kiện nhận hàng sản xuất. Tiến tới nghiên cứu, tổ chức thực hiện các chứng chỉ xanh QRS (Global Recycled Standard), ORQ (Organic 100) để đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong điều kiện khó khăn của thị trường.
- Phối hợp với tổ chức Công đoàn tổ chức các phong trào thi đua sản xuất, tăng năng suất lao động, đặc biệt là tổ chức các Hội thi thợ giỏi tay nghề tại các đơn vị.
- Thực hiện tốt công tác môi trường, công tác PCCC, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, để đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đầu tư thiết bị chiều sâu cho các đơn vị đảm bảo điều kiện sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đáp ứng công tác chuyển đổi sản xuất nhanh.
- Tiếp tục triển khai dự án mở rộng Nhà máy May Phù Mỹ, hoàn thiện thủ tục dự án Nhà máy May Mỹ Chánh.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Bảo vệ môi trường là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty. Để thực hiện mục tiêu này, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. VDN xem bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của cá nhân mà còn là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng tương lai thế giới.

Để thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường, ban lãnh đạo VDN đã áp dụng một loạt các biện pháp như sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguồn nước, xử lý nước thải, và quản lý chất thải có hệ thống. Để giảm thiểu các yếu tố tác động đến môi trường, Công ty tối ưu hoá sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt chuyển đổi sang năng lượng xanh như năng lượng mặt trời,...

Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp như tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết bị và thiết bị tiết kiệm điện năng để tiết kiệm năng lượng hơn. Công ty cũng thường xuyên tuyên truyền và giáo dục nhân viên về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm để giảm tác động tiêu cực đến môi trường.

Đối với việc quản lý chất thải, VDN đã xây dựng các quy trình xử lý chất thải một cách khoa học và đảm bảo việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải được thực hiện đúng cách.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Đối với Công ty, người lao động là nguồn lực và yếu tố quyết định cho sự phát triển của Công ty, vì vậy, xây dựng một nguồn lao động chất lượng cao luôn là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của VDN. Để làm được điều đó, Công ty đã xây dựng những chính sách lương thưởng, phúc lợi và đãi ngộ cạnh tranh cho những người lao động của mình nhằm giữ chân những những người cũ và thu hút thêm những ứng viên tiềm năng.

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các lợi ích và quyền lợi cho người lao động của mình theo quy định của Luật lao động và quy định của Nhà nước. Những chính sách Công ty đưa ra luôn phù hợp và xứng đáng với công sức và giá trị mà nhân viên đóng góp cho Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng cam kết cung cấp đủ các loại bảo hiểm, chế độ nghỉ phép, chương trình thưởng Tết cho nhân viên của mình.

VDN cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo để giúp người lao động nâng cao năng lực, kỹ năng của mình. Ngoài ra, Công ty cũng rất quan tâm đến môi trường làm việc của người lao động khi tạo ra môi trường sạch sẽ, an toàn, tích cực ở trong Công ty.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty hiểu rằng mình là một phần không thể thiếu của xã hội và cam kết thực hiện các hoạt động xã hội nhằm tạo ra một cộng đồng vững mạnh. VDN luôn đặt mục tiêu phát triển kinh tế phải song hành với sự phát triển chung của định phương và cộng đồng. Với tinh thần này, Công ty luôn tham gia các hoạt động xã hội, thiện nguyện, thông qua việc này Công ty có thể đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội và trở thành một phần hữu ích, tích cực của cộng đồng.

Công ty thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các chương trình thiện nguyện, có ý nghĩa cho cộng đồng như tặng quà và trao thưởng cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Việc tham gia các hoạt động nhân văn này là một nghĩa vụ với một doanh nghiệp của cộng đồng, ngoài ra đó còn là trách nhiệm đạo đức, tình cảm đối với mỗi nhân viên và đối với cộng đồng, xã hội mà Công ty đang hoạt động.





PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2023 là một năm rất ảm đạm đối với toàn bộ nền kinh tế nói chung và ngành dệt may nói riêng khi sức mua giảm mạnh ở các thị trường lớn như Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Châu Âu. Ngành dệt may đặc biệt bị ảnh hưởng khi nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng không thiết yếu như thời trang bị giảm mạnh, khiến cho các doanh nghiệp nhóm ngành này bị tổn động nhiều hàng tồn kho. Nguyên nhân sâu xa cho việc này là tình hình chính trị, chiến tranh trên thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp, lạm phát leo thang khiến các ngân hàng trung ương lớn như FED và ECB liên tục tăng lãi suất, thắt chặt nền kinh tế.

Trong năm 2023, dưới sự chỉ đạo của ban lãnh đạo Công ty, nhìn chung Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp, chính sách phù hợp với định hướng để ứng biến trước những tình thế khó khăn, vướng mắc của Công ty, đặc biệt là các giải pháp kinh doanh và nhiệm vụ bảo đảm an toàn đơn vị trước những sự kiện biến động trong một năm đầy khó khăn cho thị trường dệt may như năm 2023.

Trên khía cạnh môi trường, Công ty luôn tuân thủ và chấp hành nghiêm ngặt các quy định liên quan đến môi trường. Công ty luôn xử lý chất thải theo đúng quy định, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng điện, nước, và hạn chế các thải ra các chất gây tiêu cực đến môi trường xung quanh. Công ty cũng chú trọng cải thiện quy trình sản xuất kinh doanh nhằm hạn chế tác động xấu đến môi trường xanh.

Công ty thường xuyên tham gia vào các hoạt động hướng đến cộng đồng khi trong năm qua, Công ty cùng chính quyền địa phương hay tổ chức các chương trình thiện nguyện, có ý nghĩa cho cộng đồng như tặng quà và trao thưởng cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Kết thúc năm 2023, HĐQT nhận thấy Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị xác định nhân sự điều hành, bao gồm Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đều hoàn thành tốt công việc, có trình độ chuyên môn, được đào tạo bài bản, có nhiều kinh nghiệm trong cả vai trò điều hành và quản lý.

Trong thời gian vừa qua đã có sự ban hành một loạt các công văn về công bố thông tin trong năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời cập nhật và đảm bảo rằng thông tin công ty được công bố là minh bạch và chính xác.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, Công ty đặt ra những kế hoạch như sau:

- Đẩy mạnh quá trình xuất khẩu để tăng doanh thu và giúp sản phẩm của Công ty có thể thâm nhập đến nhiều thị trường hơn.
- Tập trung vào phát triển công nghệ tiên tiến trong quá trình sản xuất kinh doanh để tăng năng suất cho người lao động.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương, môi trường làm việc cho người lao động. Đảm bảo người lao động được nhận tương xứng với trình độ năng lực, và thu hút thêm người lao động có tay nghề chuyên môn cao.
- Tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi số để tối ưu hoá quy trình và phát triển Công ty trong dài hạn.
- Luôn phát triển công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát và cắt giảm các khoản chi phí, giám sát quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Công ty cam kết sẽ thực hiện tốt những kế hoạch nêu trên trong năm 2024.

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2024
Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	710
Tổng doanh thu CM	Triệu USD	16.803.000
Lao động bq	Người	2.399
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	10.233.000
Cổ tức	%	20

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN KHÁC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện nay, Hội đồng quản trị không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị



PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính đến ngày 31/12/2023

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	26/06/2020	
2	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT - Tổng GĐ	26/6/2020	
3	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT - Phó Tổng GĐ	26/6/2020	
4	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT, không điều hành	26/6/2020	
5	Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT, không điều hành	22/11/2023	
6	Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm	Thành viên HĐQT, không điều hành		22/11/2023



Ông: Phạm Phú Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, Sở hữu đại diện: 585.709 cổ phiếu (chiếm tỉ lệ 18,64%VĐL)

Chức vụ tại các đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP May Nhà Bè, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty dệt may Miền Nam

Ông: Hồ Hai Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 39.400 cổ phiếu (chiếm tỉ lệ 1,25%VĐL), Sở hữu đại diện: 314.291 cổ phiếu, (chiếm tỉ lệ 10%VĐL)

Chức vụ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty CP May Vinatex Đức Phổ.

Ông: Đặng Trọng Tâm - Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 14.800 cổ phiếu (chiếm tỉ lệ 0,47%VĐL), Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu

Chức vụ tại các đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Vinatex Nghĩa Hành.

Ông: Nguyễn Xuân Đông - UV HĐQT, không điều hành

Quốc tịch: Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 245.925 cổ phiếu (chiếm tỉ lệ 7,82%VĐL), sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu

Chức vụ tại các đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Len Hà Đông, Thành viên HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP May Nhà Bè.

Ông: Lê Thúc Dung - UV HĐQT, không điều hành

Quốc tịch: Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu

Chức vụ tại các đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP 4M

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT xây dựng chương trình hoạt động theo từng quý, từng năm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên giám sát, kiểm tra kỹ lưỡng từng bộ phận hoạt động trong Công ty, kiểm tra các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời chỉ đạo đối với Ban điều hành tổ chức, triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của HĐQT.

HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp để đánh giá lại tình hình hoạt động trong kỳ. Nội dung của các cuộc họp bao gồm việc đánh giá những điều đã làm được và chưa làm được, đồng thời tìm ra các hạn chế còn tồn đọng nhằm đưa ra giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu mà nghị quyết ĐHCĐ đã quyết nghị.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	11/11	100%
2	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT - Tổng GD	11/11	100%
3	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT - Phó Tổng GD	11/11	100%
4	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT, không điều hành	11/11	100%
5	Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT, không điều hành	1/1 (bổ nhiệm từ ngày 22/11/2023)	100%

**CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHCĐ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-HĐQT	09/01/2023	Nghị quyết HĐQT thống nhất thông qua kết quả phát hành CP theo chương trình lựa chọn NLD trong Công ty (ESOP)	100%
2	02/2023/NQ-HĐQT	03/02/2023	HĐQT thống nhất thông qua việc sửa đổi điều lệ, giấy ĐKKD, đăng ký CK bổ sung với VSD, đăng ký giao dịch CK bổ sung với HNX	100%
3	03/2023/NQ-HĐQT	09/03/2023	HĐQT thống nhất thông qua việc thôi việc của Ông Trần Văn Tiến - GĐĐH Công ty	100%
4	04/2023/NQ-HĐQT	17/04/2023	HĐQT thống nhất thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhằm chuẩn bị đầy đủ tài liệu ĐHCĐ	100%
5	05/2023/NQ-HĐQT	19/04/2023	Nghị quyết HĐQT thống nhất thông qua việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023 vào ngày 23/06/2023	100%
6	06/2023/NQ-ĐHCĐ	23/06/2023	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023	100%
7	07/2023/NQ-HĐQT	10/07/2023	Nghị quyết HĐQT thống nhất việc chi trả cổ tức năm 2022	100%

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
8	08/2023/NQ-HĐQT	17/07/2023	HĐQT thống nhất thông qua việc thôi việc của Ông Văn Hữu Thành - Phó TGD Công ty	100%
9	09/2023/NQ-HĐQT	04/10/2023	HĐQT thống nhất chốt danh sách cổ đông để tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
10	10/2023/NQ-HĐQT	06/11/2023	HĐQT thông qua dự thảo Bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023	100%
11	11/2023/NQ-HĐQT	09/11/2023	HĐQT thống nhất bổ nhiệm ông Phạm Vũ Bằng, Thư ký HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty	100%
12	01/2023/QĐ-HĐQT	09/11/2023	Quyết định của HĐQT bổ nhiệm Ông Phạm Vũ Bằng, Thư ký HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty	100%
13	12/2023/NQ-ĐHĐCĐ	22/11/2023	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	82,07%
14	13/2023/QĐ-HĐQT	18/12/2023	HĐQT bổ nhiệm ông Văn Hữu Thành làm Phó TGD Công ty	100%
15	02/2023/QĐ-HĐQT	18/12/2023	Quyết định của HĐQT bổ nhiệm Ông Văn Hữu Thành làm Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP: không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hiện nay các thành viên HĐQT đang tích cực trao đổi kinh nghiệm quản trị từ các thông lệ tốt trên thị trường và Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do UBCKNN, Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh, VSDC, và các đơn vị chuyên môn tổ chức



BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng Ban kiểm soát	Cử nhân Tài chính kế toán
2	Ông Lương Chương	Thành viên Ban kiểm soát	Cử nhân Tài chính kế toán
3	Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên Ban kiểm soát	Cử nhân Tài chính kế toán

Ông: Huỳnh Tấn Long - Trưởng Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có

Chức vụ tại các đơn vị khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Động lực Việt Nam

Ông: Lương Chương - Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 33.090 Cổ phiếu, chiếm tỉ lệ 1,05%
- Sở hữu đại diện:

Chức vụ tại các đơn vị khác: Không có

Ông: Nguyễn Thăng Long - Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có

Chức vụ tại các đơn vị khác: Chuyên viên Tập đoàn dệt may Việt Nam

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở các Nghị quyết của HĐQT, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát thường xuyên giám sát kết quả thực hiện so với nghị quyết đề ra. Trong đó bao gồm:

- Đánh giá các hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ 2023
- Kiểm tra và giám sát quyền lợi của người lao động và cổ đông
- Đánh giá kỹ lưỡng lại toàn bộ kết quả sản xuất kinh doanh
- Kiểm tra lại tình hình tài chính của Công ty nhằm đánh giá tính hợp pháp và trung thực của các số liệu theo chuẩn mực kế toán

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng ban	4/4	100%
2	Ông Lương Chương	Thành viên BKS	4/4	100%
3	Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên BKS	4/4	100%

Năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức 4 phiên họp. Mỗi cuộc họp đều nhằm mục tiêu rà soát và đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả hoạt động của công ty. Các phiên họp này diễn ra dưới sự chỉ đạo của Trưởng Ban kiểm soát và có sự tham gia của tất cả thành viên Ban kiểm soát. Nội dung của từng phiên họp:

- Phiên họp thứ nhất (Quý I/2023): Đánh giá tình hình tài chính của quý trước, lập kế hoạch kiểm soát cho quý tiếp theo, cho ý kiến về việc sửa đổi điều lệ, giấy ĐKKD, đăng ký CK bổ sung với VSD, đăng ký giao dịch CK bổ sung với HNX của HĐQT.
- Phiên họp thứ hai (Quý II/2023): Xem xét các báo cáo trình ĐHCĐ 2023. Thảo luận và phê duyệt kế hoạch kiểm soát cho nửa cuối năm 2023.
- Phiên họp thứ ba (Quý III/2023): Tập trung vào việc đánh giá tiến độ thực hiện các kế hoạch đã đề ra, kiểm soát chất lượng các dự án đang triển khai và đưa ra các giải pháp cải thiện nếu cần.
- Phiên họp thứ tư (Quý IV/2023): Chuẩn bị và kiểm tra báo cáo tài chính năm, cùng với việc kiểm soát chi tiêu và đề xuất chính sách phân phối lợi nhuận hợp lý cho năm tiếp theo; Kiểm soát các nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản cùng HĐQT.

Trong mỗi cuộc họp, Trưởng Ban kiểm soát cũng đã lắng nghe và xem xét các ý kiến đóng góp của thành viên, đảm bảo rằng mọi quyết định đều phản ánh mục tiêu chung của Công ty về sự phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội. Các biên bản chi tiết của từng phiên họp đã được lưu trữ cẩn thận và đều được tất cả các thành viên nhất trí thông qua.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương, thưởng
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	530.000.000
2	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT	48.000.000	50.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm	Thành viên HĐQT	48.000.000	50.000.000
4	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	48.000.000	1.139.714.631
5	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	48.000.000	1.126.362.336
6	Ông Phạm Vũ Bằng	Giám đốc Điều Hành	36.000.000	805.451.313
7	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	50.000.000
8	Ông Lương Chương	Thành viên Ban Kiểm soát	120.000.000	61.100.000
9	Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
10	Ông Văn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	-	730.884.506
11	Ông Trần Văn Tiến	Giám Đốc Điều hành	-	271.675.067
12	Ông Nguyễn Thành An	Giám Đốc Điều hành	-	765.864.927
13	Bà Lê Đình Bích Hợp	Kế toán trưởng	-	713.415.586

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: KHÔNG CÓ

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: (được thuyết minh chi tiết tại BCTC riêng 2023 đã kiểm toán)

Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

STT	Công ty	Giao dịch	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)
1	Công ty CP May Vinatex Nghĩa Hành	Mua hàng và dịch vụ Bán hàng	3.820.381.354 5.356.074.193	17.080.129.143 1.438.854.401

Số dư với các bên có liên quan

STT	Công ty	Khoản mục	Tại 01/01/2023 (đồng)	Tại 31/12/2023 (đồng)
1	Công ty CP May Vinatex Nghĩa Hành	Trả trước cho người bán Phải trả người bán Phải thu ngắn hạn của khách hàng	15.648.941.795 2.124.569.617 49.298.266	31.648.393.236 - 758.448.309
2	Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.000.000.000	11.000.000.000
3	Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Phải trả khác ngắn hạn	-	-



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị công ty đóng vai trò rất quan trọng trong việc duy trì và phát triển trong khâu vận hành hoạt động kinh doanh, cho nên CTCP Vinatex Đà Nẵng luôn đảm bảo việc này theo đúng pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ; xây dựng một cách hợp lý phù hợp với đặc điểm, lợi ích, mục tiêu của công ty và cổ đông; nâng cao hiệu quả lao động của nhân viên công ty đồng thời kết hợp kiểm soát chất lượng các hoạt động của công ty. Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản liên quan trong công tác báo cáo quản trị và công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty hướng tới mục tiêu chính là nâng cao và hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị, các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường; thực hiện các mục tiêu đã vạch ra một cách tối ưu trong điều kiện biến động của nền kinh tế. Đồng thời, Công ty vận dụng một cách có hiệu quả mọi tài nguyên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành, Người phụ trách quản trị - Thư ký công ty và cán bộ quản lý khác tham gia các Hội thảo tập huấn trực tuyến/trực tiếp về quản trị công ty cho các công ty đại chúng do UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức nhằm tiếp cận những hướng quản trị mới, hiệu quả hơn. Nhờ đó mà Ban Lãnh đạo Công ty có thể đáp ứng kịp thời, đảm bảo cập nhật đầy đủ các văn bản giấy tờ trước những thay đổi về Luật mới của UBCKNN và các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

Thêm vào đó, tập thể Lãnh đạo toàn Công ty luôn tuân thủ luật pháp, Điều lệ tổ chức và các Quy chế hoạt động của Công ty. Căn cứ các nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã đưa ra các Nghị quyết, Quyết định phù hợp. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã giám sát hoạt động của Công ty theo các Nghị quyết, Quyết định của Công ty và quy định của pháp luật có liên quan. Công ty luôn đề cao tính công bằng, minh bạch, tuân thủ các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông trong các hoạt động của công ty.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông, website Công ty, hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đều thực hiện công bố thông tin của Công ty cho nhà đầu tư, cổ đông theo đúng quy định, cập nhật tình hình để theo dõi tiến độ hoạt động của Hội đồng quản trị và việc thực hiện các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Do đó, thương hiệu và mức độ uy tín của VDN được nâng cao, cải thiện khả năng tiếp cận nguồn vốn tiềm năng có được từ thị trường và nguồn lực sẽ được sử dụng hiệu quả hơn.





PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán


CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 415/2024/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 22/03/2024 của Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC


 Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2024

 Đinh Thị Ngọc Thùy - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2023-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

 47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

 Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

Trang 4

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 01-DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		287.141.387.722	348.628.046.901
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.032.201.675	27.386.920.310
1. Tiền	111		19.032.201.675	22.386.920.310
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.309.810.649	171.819.354.066
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	117.896.909.090	158.804.957.475
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	12.963.345.634	12.609.558.021
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	7.645.391.490	3.600.674.135
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.195.835.565)	(3.195.835.565)
IV. Hàng tồn kho	140	10	116.554.942.697	138.365.195.873
1. Hàng tồn kho	141		117.079.743.403	138.680.746.933
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(524.800.706)	(315.551.060)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.244.432.701	11.056.576.652
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	1.429.838.991	1.670.227.281
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.808.075.191	9.336.126.267
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	6.518.519	50.223.104
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.131.946.496	145.597.981.234
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.460.493.000	1.903.958.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	2.460.493.000	1.903.958.000
II. Tài sản cố định	220		122.280.274.070	133.987.685.486
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	113.408.416.192	124.939.010.716
- Nguyên giá	222		285.120.154.437	297.377.285.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.711.738.245)	(172.438.274.750)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	397.676.000	596.492.000
- Nguyên giá	225		2.982.284.000	2.982.284.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.584.608.000)	(2.385.792.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	8.474.181.878	8.452.182.770
- Nguyên giá	228		9.831.208.938	9.486.002.478
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.357.027.060)	(1.033.819.708)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.641.034.028	2.449.044.764
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.641.034.028	2.449.044.764
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.142.330.401	3.058.917.284
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.a	2.909.507.649	2.776.610.100
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.b	303.000.000	303.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16.b	(70.177.248)	(20.692.816)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.607.814.997	4.198.375.700
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	2.607.814.997	4.198.375.700
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		420.273.334.218	494.226.028.135

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. Nợ phải trả	300		347.470.152.649	412.909.085.820
I. Nợ ngắn hạn	310		308.854.881.321	367.598.378.867
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	44.702.420.132	59.062.058.576
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	575.578.362	2.021.468.991
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	19	5.029.582.346	14.763.225.331
4. Phải trả người lao động	314		56.404.341.973	79.755.158.477
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	5.089.682.745	4.526.199.630
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	8.578.238.171	19.514.815.769
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	181.460.112.245	181.517.633.419
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.014.925.347	6.437.818.674
II. Nợ dài hạn	330		38.615.271.328	45.310.706.953
1. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	10.000.000	10.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	33.067.172.860	40.799.590.357
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	5.538.098.468	4.501.116.596
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.803.181.569	81.316.942.315
I. Vốn chủ sở hữu	410		72.781.940.320	81.295.701.066
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	31.429.100.000	29.939.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.429.100.000	29.939.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.488.800.000	1.543.300.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	24	(182.700.000)	(182.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	21.505.630.016	20.339.523.343
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	19.890.428.769	24.547.212.254
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.953.538.908	12.629.348.936
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.936.889.861	11.917.863.318
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		(1.349.318.465)	5.109.265.469
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		21.241.249	21.241.249
1. Nguồn kinh phí	431		21.241.249	21.241.249
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		420.273.334.218	494.226.028.135



Hồ Hai

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Lê Đình Bích Hợp

Người lập biểu

Trần Thị Thi

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	634.677.505.734	677.793.859.719
2. Các khoản giảm trừ	02	27	242.356.597	118.290.302
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		634.435.149.137	677.675.569.417
4. Giá vốn hàng bán	11	28	571.191.359.514	587.252.252.639
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		63.243.789.623	90.423.316.778
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	9.081.577.505	9.542.935.201
7. Chi phí tài chính	22	30	18.188.231.151	21.246.067.588
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.563.416.184	11.161.864.812
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		132.897.549	1.681.266.768
9. Chi phí bán hàng	25	31.a	33.095.189.382	46.502.948.301
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31.b	19.181.224.111	19.441.884.812
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.993.620.033	14.456.618.046
12. Thu nhập khác	31	32	7.022.728.847	443.672.732
13. Chi phí khác	32	33	9.777.232.038	134.164.445
14. Lợi nhuận khác	40		(2.754.503.191)	309.508.287
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(760.883.158)	14.766.126.333
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	723.829.042	3.486.763.689
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	1.036.981.873	(256.796.584)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.521.694.073)	11.536.159.228
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		3.936.889.861	11.917.863.318
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6.458.583.934)	(381.704.090)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.265	3.606
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	36	1.265	3.606



Hồ Hai

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Lê Đình Bích Hợp

Người lập biểu

Trần Thị Thi

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(760.883.158)	14.766.126.333
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	12, 13, 14	15.805.810.463	17.575.762.432
- Các khoản dự phòng	03		258.734.077	(74.247.054)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.023.667.561	2.223.546.385
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.807.510.347	(2.674.634.960)
- Chi phí lãi vay	06	30	13.563.416.184	11.161.864.812
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		31.698.255.474	42.978.417.948
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.063.235.199	(76.022.570.035)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.601.003.530	(44.133.521.521)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(54.686.926.237)	83.270.310.072
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.830.948.993	(2.753.732.866)
- Tiền lãi vay đã trả	14	20, 30	(13.645.778.770)	(11.164.866.300)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(3.338.515.403)	(423.061.075)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		55.000.000	35.894.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(644.000.000)	(755.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.933.222.786	(8.968.129.777)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(8.843.007.821)	(10.477.165.781)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.211.718.182	368.453.690
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	20.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8, 29	337.822.199	876.572.036
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.293.467.440)	10.767.859.945

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	24	1.435.500.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	21	623.165.755.025	515.777.806.493
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(631.420.532.750)	(501.602.232.465)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21a, 24	(7.144.160.000)	(2.972.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.963.437.725)	11.203.424.028
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.323.682.379)	13.003.154.196
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	5	27.386.920.310	14.812.682.849
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(31.036.256)	(428.916.735)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	5	19.032.201.675	27.386.920.310



Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Lê Đình Bích Hợp

Người lập biểu

Trần Thị Thi

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT -
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản xuất – Xuất khẩu Dệt may Đà Nẵng theo Quyết định số 142/QĐ-BCN ngày 23/11/2004 của Bộ Công nghiệp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400410498 ngày 08/08/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 10 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 31/03/2023), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất hàng may mặc.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, hàng thêu đan, áo len;
- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Khách sạn; Kinh doanh nhà hàng;
- Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ; Đại lý mua bán hàng hóa;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán mô tô, xe máy;
- Xây dựng nhà các loại; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Trồng cây ăn quả;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.

1.4. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất:

Công ty con: Công ty CP May Vinatex Nghĩa Hành

- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm CN Đồng Dinh, Thị trấn Chợ Chùa, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, hàng thêu đan, áo len; Đại lý; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Kinh doanh nhà hàng; Khách sạn; Bán lẻ hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- thủ công mỹ nghệ; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 51,00%.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty liên kết: Công ty CP May Vinatex Đức Phổ

- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm CN Phổ Hòa, Xã Phổ Hòa, Huyện Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, hàng thêu đan, áo len; Đại lý; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Kinh doanh nhà hàng; Khách sạn; Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 24,00%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 24,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty liên kết: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè

- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: tẩy vải dệt, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo; tẩy quần bò, hồ vải, hấp, làm co, chống co, ngâm kiềm vải, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo; Giặt là, làm sạch sản phẩm dệt từ lông thú; cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dung hữu hình khác.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 31%.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 31%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc, thiết bị	4 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10

4.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá

Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản là giá trị hợp lý của tài sản thuê. Trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu thì giá trị của tài sản thuê là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khấu hao

Chính sách khấu hao tài sản cố định thuê tài chính nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, tài sản thuê tài chính thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Trường hợp Công ty không chắc chắn sẽ có quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê và thời gian thuê ngắn hơn thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê, Công ty thực hiện khấu hao theo thời gian đi thuê.

Thời gian khấu hao tài sản cố định thuê tài chính tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

4.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.10 Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.22 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.23 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Thuế suất 0%: Áp dụng cho hoạt động dệt may xuất khẩu;
 - ✓ Thuế suất 10%: Áp dụng đối với các hoạt động bán hàng dệt may trong nước và cung cấp các dịch vụ khác. Giai đoạn từ ngày 01/07/2023 đến 31/12/2023, Công ty áp dụng thuế suất 8% đối với các sản phẩm và dịch vụ này theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thu nhập tại Nhà máy May Phù Mỹ: Phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện đầu tư mở rộng (ưu đãi miễn giảm thuế theo địa bàn). Huyện Phù Mỹ thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó được miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo. Việc đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 9/2016 và vì năm 2016 thời gian hoạt động dưới 3 tháng nên Công ty đăng ký tính ưu đãi về miễn giảm thuế từ năm 2017. Theo đó, thu nhập của Nhà máy sẽ được miễn thuế 4 năm (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% trong 9 năm (từ năm 2021 đến năm 2029). Ưu đãi trên áp dụng theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính.
 - Thu nhập của Nhà máy may Nghĩa Hành thuộc Công ty CP May Vinatex Nghĩa Hành: Dự án áp dụng mức thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Theo quy định thì trường hợp Dự án không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn giảm thuế được tính từ năm thứ 4. Năm 2020 là năm đầu tiên Dự án có doanh thu và Dự án không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu tiên kể từ năm 2020. Do vậy, Công ty áp dụng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm (từ năm 2020 đến năm 2029), áp dụng ưu đãi miễn thuế 2 năm (từ năm 2023 đến năm 2024) và áp dụng giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2028). Công ty tự xác định ưu đãi thuế của Dự án (ưu đãi miễn giảm thuế theo địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn) theo điểm a khoản 4 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Điều 6 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
 - Thu nhập từ các hoạt động khác: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	119.241.445	85.996.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.912.960.230	22.300.924.310
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	-	5.000.000.000
Cộng	19.032.201.675	27.386.920.310

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Supreme International LLC (*)	11.066.482.894	39.393.630.531
Motives International (Hong Kong) Limited	10.727.427.578	4.167.589.622
Fishman and Tobin Inc (F & T Apparel, LLC)	79.767.417.964	87.623.654.570
Sun-S	3.210.983.974	12.948.313.680
Công ty TNHH Quảng Việt Tiền Giang	-	2.420.386.327
Tổng Công ty may Nhà Bè - Công ty cổ phần	-	442.599.446
Công ty CP Thương mại Nhà Bè	938.962.305	2.041.758.756
Các đối tượng khác	12.185.634.375	9.767.024.543
Cộng	117.896.909.090	158.804.957.475

(*) Hầu hết nợ phải thu này đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng.

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP May Vinatex Đức Phở	11.000.000.000	11.000.000.000
Các đối tượng khác	1.963.345.634	1.609.558.021
Cộng	12.963.345.634	12.609.558.021

8. Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	12.328.767	-
Tạm ứng	213.188.330	-	280.240.628	-
Phải thu đền bù bảo hiểm (*)	4.851.143.541	-	1.725.611.331	-
Bùi Mạnh Hùng	167.124.536	167.124.536	167.124.536	167.124.536
Phải thu BHXH của người lao động	645.882.427	-	634.826.905	-
Thuế TNCN phải thu người lao động	655.608.627	-	408.263.207	-
Phải thu khác	1.112.444.029	41.223.464	372.278.761	41.223.464
Cộng	7.645.391.490	208.348.000	3.600.674.135	208.348.000

(*) Đây là số tiền bồi thường còn phải thu Tổng Công ty CP Bảo hiểm Hàng không

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định	573.100.000	-	573.100.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.887.393.000	-	1.330.858.000	-
Cộng	2.460.493.000	-	1.903.958.000	-

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn thanh toán: - Từ 3 năm trở lên	3.195.835.565	3.195.835.565
Cộng	3.195.835.565	3.195.835.565

10. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	892.318.838	-	3.611.666.732	-
Nguyên liệu, vật liệu	20.424.488.412	-	18.948.930.358	-
Công cụ, dụng cụ	13.163.296	13.163.296	13.163.296	13.163.296
Chi phí SX, KD dở dang	50.554.281.126	-	66.667.228.401	-
Thành phẩm	42.360.593.782	511.637.410	35.816.215.118	302.387.764
Hàng gửi bán	2.834.897.949	-	13.623.543.028	-
Cộng	117.079.743.403	524.800.706	138.680.746.933	315.551.060

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2023 là 900.954.106 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch giảm giá bán để thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Giá trị hàng tồn kho luân chuyển dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ khoảng 85 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	273.487.262	144.844.589
Tiền bảo hiểm	543.088.645	643.600.977
Chi phí sửa chữa	92.803.923	96.196.439
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	520.459.161	785.585.276
Cộng	1.429.838.991	1.670.227.281

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.322.971.334	1.848.790.904
Chi phí sửa chữa	786.890.987	1.236.551.494
Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	364.591.237	410.644.867
Chi phí đào tạo nhân viên	-	554.167.245
Chi phí trả trước dài hạn khác	133.361.439	148.221.190
Cộng	2.607.814.997	4.198.375.700

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	137.611.966.637	128.370.958.929	28.068.254.293	3.326.105.607	297.377.285.466
Phân loại lại	77.116.114	(77.116.114)	-	-	-
Tăng trong năm	84.649.999	7.075.611.189	-	70.550.909	7.230.812.097
Giảm trong năm	16.590.268.615	2.395.836.333	277.668.178	224.170.000	19.487.943.126
Số cuối năm	121.183.464.135	132.973.617.671	27.790.586.115	3.172.486.516	285.120.154.437
Khấu hao					
Số đầu năm	59.816.592.652	100.463.044.494	9.192.773.537	2.965.864.067	172.438.274.750
Phân loại lại	10.537.396	(10.537.396)	-	-	-
Khấu hao trong năm	5.266.513.496	7.709.308.898	2.155.825.260	152.139.457	15.283.787.111
Giảm trong năm	13.118.547.748	2.389.937.690	277.668.178	224.170.000	16.010.323.616
Số cuối năm	51.975.095.796	105.771.878.306	11.070.930.619	2.893.833.524	171.711.738.245
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	77.795.373.985	27.907.914.435	18.875.480.756	360.241.540	124.939.010.716
Số cuối năm	69.208.368.339	27.201.739.365	16.719.655.496	278.652.992	113.408.416.192

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2023 là 87.451.052.300 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 100.105.661.925 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.982.284.000	2.982.284.000
Thuê tài chính trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	2.982.284.000	2.982.284.000
Khấu hao		
Số đầu năm	2.385.792.000	2.385.792.000
Khấu hao trong năm	198.816.000	198.816.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	2.584.608.000	2.584.608.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	596.492.000	596.492.000
Số cuối năm	397.676.000	397.676.000

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.979.882.783	1.506.119.695	9.486.002.478
Mua trong năm	-	345.206.460	345.206.460
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	7.979.882.783	1.851.326.155	9.831.208.938
Khấu hao			
Số đầu năm	-	1.033.819.708	1.033.819.708
Khấu hao trong năm	-	323.207.352	323.207.352
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	1.357.027.060	1.357.027.060
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.979.882.783	472.299.987	8.452.182.770
Số cuối năm	7.979.882.783	494.299.095	8.474.181.878

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2023 là 7.979.882.783 đồng
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 532.169.695 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
Trung tâm Thương mại Dệt may 81 Thái Phiên	2.278.318.104	2.278.318.104
Đầu tư cải tạo mở rộng qui mô SX tại NM May Phù Mỹ	335.443.197	143.453.933
Chi phí thiết kế thi công PCCC Phù Mỹ	27.272.727	27.272.727
Cộng	2.641.034.028	2.449.044.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***17. Đầu tư tài chính dài hạn****a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	Đang hoạt động	24,0%	600.000	2.909.507.649
Cộng				2.776.610.100
				2.909.507.649
				2.776.610.100

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023			
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Dự phòng
Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định (i)	Đang hoạt động	0,2%	30.000	303.000.000	70.177.248	303.000.000
Cộng				303.000.000	70.177.248	303.000.000
						20.692.816

(i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu NDT được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
Hangzhou Specialty Textile Trading Co.,ltd	11.892.428.237	9.377.251.494
Công ty CP Thiết bị Âu Á	4.419.249.924	5.720.347.576
Shaista Creations Limited	6.825.475.134	9.608.928
Công ty CP May Phù Cát	649.697.654	649.697.654
Decent Point Ltd	665.559.856	8.575.436.649
Công ty CP Xây dựng & Thương mại 591	830.954.136	830.954.136
Các đối tượng khác	19.419.055.191	33.898.762.139
Cộng	44.702.420.132	59.062.058.576

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Motives International (Hong Kong) Limited	-	1.332.451.210
Logo TT DWC LLC Dubai	-	147.888.627
Motives (Far East) Limited	265.349.265	265.349.265
Các đối tượng khác	310.229.097	275.779.889
Cộng	575.578.362	2.021.468.991

19. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	11.162.022.298	23.913.810.177	30.746.406.132	-	4.329.426.343
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	124.872.154	124.872.154	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	50.223.104	-	241.210.666	190.987.562	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.312.342.364	723.829.042	3.338.515.403	-	697.656.003
Thuế thu nhập cá nhân	-	288.860.669	2.019.641.100	2.312.520.288	6.518.519	2.500.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	4.769.544.742	4.769.544.742	-	-
Các loại thuế khác	-	-	84.536.658	84.536.658	-	-
Cộng	50.223.104	14.763.225.331	31.877.444.539	41.567.382.939	6.518.519	5.029.582.346

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Trích trước chi phí lãi vay	83.513.879	165.876.465
Phí thanh toán quốc tế	2.469.564.612	-
Chi phí làm hàng Supreme	411.302.834	1.046.354.728
Chi phí thuê gia công ngoài	-	2.720.315.400
Các khoản trích trước khác	2.125.301.420	593.653.037
Cộng	5.089.682.745	4.526.199.630

21. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	3.942.991.088	4.822.242.858
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.042.543.821	10.762.179.185
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	163.016.167	1.045.716.167
Phải trả khác	3.429.687.095	2.884.677.559
	2.022.321.134	-
- Phải trả các chi phí liên quan đến hàng tồn kho bị tổn thất do lũ lụt		
- Thù lao HĐQT và BKS	274.590.833	366.990.833
- Tiền chờ tăng vốn điều lệ	-	1.490.000.000
- Các khoản phải trả khác	1.132.775.128	1.027.686.726
Cộng	8.578.238.171	19.514.815.769

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	10.000.000	10.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	168.024.130.922	617.638.381.256	615.759.344.127	169.903.168.051
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng	73.703.116.004	262.489.498.315	261.676.344.751	74.516.269.568
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng	19.829.895.479	96.119.017.728	88.225.108.150	27.723.805.057
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng	64.562.579.384	146.395.401.275	173.880.777.803	37.077.202.856
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	20.606.523.839	6.648.221.587	13.958.302.252
- Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng	9.928.540.055	92.077.940.099	85.328.891.836	16.627.588.318
Vay dài hạn đến hạn trả	13.294.686.497	11.358.128.194	13.294.686.497	11.358.128.194
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng	2.388.403.697	1.642.616.862	2.388.403.697	1.642.616.862
- Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng	10.906.282.800	9.715.511.332	10.906.282.800	9.715.511.332
Nợ thuê tài chính đến hạn	198.816.000	-	-	198.816.000
- Ủy ban Nhân dân Huyện Phù Mỹ	198.816.000	-	-	198.816.000
Cộng	181.517.633.419	628.996.509.450	629.054.030.624	181.460.112.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	52.106.072.854	5.992.212.823	15.661.188.623	42.437.097.054
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng (a)	4.896.693.821	5.975.954.957	2.934.860.037	7.937.788.741
- Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng (b)	47.209.379.033	16.257.866	12.726.328.586	34.499.308.313
Nợ thuê tài chính	2.187.020.000	-	-	2.187.020.000
- Ủy ban Nhân dân Huyện Phù Mỹ (c)	2.187.020.000	-	-	2.187.020.000
Cộng	54.293.092.854	5.992.212.823	15.661.188.623	44.624.117.054
Trong đó:				
- Vay cài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	13.294.686.497			11.358.128.194
- Nợ thuê tài chính đến hạn	198.816.000			198.816.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	40.799.590.357			33.067.172.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đã ký các hợp đồng vay sau:

a) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh tại Đà Nẵng theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng tín dụng số 6715.21.301.50297.TD ngày 23/04/2021 để mua máy móc thiết bị ngành may phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay đối với các máy móc thiết bị có giá trị < 30.000.000 VND: tối đa 24 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; đối với các máy móc thiết bị còn lại thời hạn tối đa: 48 tháng; Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng văn bản nhận nợ. Hợp đồng vay được thế chấp bất động sản tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: 81 Thái Phiên, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; hàng tồn kho; công trình xây dựng trên đất là nhà xưởng giai đoạn II tại thị trấn Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ theo Hợp đồng thuê đất số 78-2005/HĐ_TĐ ngày 22/05/2005 giữa UBND tỉnh Bình Định và Công ty Sản xuất XNK dệt may Đà Nẵng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 34498.22.301.50297.TD ngày 04/10/2022 để mua máy móc thiết bị ngành may phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay đối với các máy móc thiết bị có giá trị < 30.000.000 VND: tối đa 24 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; đối với các máy móc thiết bị còn lại thời hạn tối đa: 48 tháng; Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng văn bản nhận nợ. Hợp đồng vay được thế chấp bất động sản tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: 81 Thái Phiên, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; hàng tồn kho; công trình xây dựng trên đất là nhà xưởng giai đoạn II tại thị trấn Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ theo Hợp đồng thuê đất số 78-2005/HĐ_TĐ ngày 22/05/2005 giữa UBND tỉnh Bình Định và Công ty Sản xuất XNK dệt may Đà Nẵng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 153857.23.301.50297.TD ngày 31/08/2023 để mua máy móc thiết bị ngành may phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay đối với các máy móc thiết bị có giá trị < 30.000.000 VND: tối đa 24 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; đối với các máy móc thiết bị còn lại thời hạn tối đa: 48 tháng; Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng văn bản nhận nợ. Hợp đồng vay được thế chấp bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

b) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐCVDADT/NHCT480-VINATEX DA NANG ngày 29/06/2017 để Đầu tư mở rộng Nhà máy may Dung Quất. Thời hạn vay của hợp đồng là 84 tháng tính từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ. Hợp đồng vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2019- HĐCVDAT/NHCT480 ngày 17/06/2019 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 03/2021 ngày 16/04/2021 với thời hạn vay 108 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư Nhà máy May Nghĩa Hành. Lãi suất cho vay: thả nổi. Tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền đòi nợ luân chuyển dưới hình thức các khoản phải thu của Công ty và toàn bộ hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 5 tỷ đồng (gồm hàng thành từ dự án đó).

c) Thuê tài chính với Ủy ban Nhân dân Huyện Phù Mỹ theo Hợp đồng số 01/VH/2010/HĐTD ngày 25/06/2010 về thuê nhà xưởng, vật kiến trúc. Thời hạn thuê là 15 năm kể từ thời điểm nhận nợ đầu tiên. Lãi suất cho thuê 0%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
Thuế suất sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	5.538.098.468	4.501.116.596
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.538.098.468	4.501.116.596

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	29.939.100.000	1.543.300.000	(182.700.000)	20.168.781.593	15.952.562.436	5.490.969.559	72.912.013.588
Tăng trong năm	-	-	-	170.741.750	-	-	170.741.750
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	11.917.863.318	-	11.917.863.318
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(381.704.090)	(381.704.090)
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.323.213.500	-	3.323.213.500
Số dư tại 31/12/2022	29.939.100.000	1.543.300.000	(182.700.000)	20.339.523.343	24.547.212.254	5.109.265.469	81.295.701.066
Số dư tại 01/01/2023	29.939.100.000	1.543.300.000	(182.700.000)	20.339.523.343	24.547.212.254	5.109.265.469	81.295.701.066
Tăng trong năm	1.490.000.000	-	-	1.166.106.673	-	-	2.656.106.673
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	3.936.889.861	-	3.936.889.861
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(6.458.583.934)	(6.458.583.934)
Giảm trong năm	-	54.500.000	-	-	8.593.673.346	-	8.648.173.346
Số dư tại 31/12/2023	31.429.100.000	1.488.800.000	(182.700.000)	21.505.630.016	19.890.428.769	(1.349.318.465)	72.781.940.320

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.142.910	2.993.910
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.142.910	2.993.910
- Cổ phiếu phổ thông	3.142.910	2.993.910
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	12.180	12.180
- Cổ phiếu phổ thông	12.180	12.180
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.130.730	2.981.730
- Cổ phiếu phổ thông	3.130.730	2.981.730
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	24.547.212.254	15.952.562.436
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.936.889.861	11.917.863.318
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	8.593.673.346	3.323.213.500
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.166.106.673	170.741.750
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.166.106.673	170.741.750
- Trả cổ tức	6.261.460.000	2.981.730.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	19.890.428.769	24.547.212.254

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2023.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 23/06/2023 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 20% vốn điều lệ (tương ứng 6.261.460.000 đồng). Công ty đã chốt quyền nhận cổ tức này vào ngày 02/08/2023 và ngày thực hiện chi trả là 24/08/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a. Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2023	01/01/2023
Nguyên vật liệu nhận giữ hộ gia công	102.588.779.285	95.882.775.238

b. Ngoại tệ

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
- USD	543.338,29	802.302,88
- EUR	323,61	234,61

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán thành phẩm	632.206.739.077	675.531.090.085
Doanh thu các hoạt động khác	2.470.766.657	2.262.769.634
Cộng	634.677.505.734	677.793.859.719

27. Các khoản giảm trừ

	Năm 2023	Năm 2022
Giảm giá hàng bán	242.356.597	118.290.302
Cộng	242.356.597	118.290.302

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn của thành phẩm đã bán	569.574.289.074	585.875.785.314
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.407.820.794	1.471.407.195
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	209.249.646	(94.939.870)
Cộng	571.191.359.514	587.252.252.639

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	325.493.432	609.914.502
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	15.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.756.084.073	8.918.020.699
Cộng	9.081.577.505	9.542.935.201

30. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	13.563.416.184	11.161.864.812
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	49.484.431	20.692.816
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.575.330.536	10.063.509.960
Cộng	18.188.231.151	21.246.067.588

31. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí hàng xuất khẩu, vận chuyển	20.308.876.018	23.149.766.203
Tiền lương nhân viên bán hàng	4.503.907.534	12.856.499.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.744.110.534	5.841.068.170
Các khoản khác	538.295.296	4.655.614.144
Cộng	33.095.189.382	46.502.948.301

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	821.667.277	857.312.875
Tiền lương nhân viên quản lý	6.206.103.463	8.979.189.332
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.356.759.014	2.192.938.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.342.473.419	5.048.686.294
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.562.399.640	35.578.540
Các khoản khác	1.891.821.298	2.328.179.231
Cộng	19.181.224.111	19.441.884.812

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	368.453.690
Tiền bảo hiểm bồi thường tổn thất do lũ lụt	6.751.143.541	-
Thu nhập từ thanh lý hàng bị lũ lụt	211.070.500	-
Tiền phạt thu được	26.735.195	69.196.230
Các khoản khác	33.779.611	6.022.812
Cộng	7.022.728.847	443.672.732

33. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.265.901.328	-
Các khoản chi phí khác phục hàng tổn thất do lũ lụt	6.793.546.292	-
Các khoản bị phạt	611.517.101	66.285.418
Chi phí khác	106.267.317	67.879.027
Cộng	9.777.232.038	134.164.445

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(760.883.158)	14.766.126.333
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	4.906.057.554	5.095.987.180
Điều chỉnh tăng	14.961.581.695	5.983.113.894
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	480.236.368	4.737.717.224
- Chi phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành	132.000.000	132.000.000
- Các khoản CP không tính vào CP tính thuế	738.450.381	108.691.008
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước thành đã thực hiện năm nay	313.825.694	109.432.009
- Chi phí khấu hao tương ứng với nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng của xe ô tô chở người dưới 9 chỗ ngồi	116.285.714	116.285.714
- Lỗi tại Công ty con	13.180.783.538	778.987.939
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/NĐ-CP	-	-
Điều chỉnh giảm	10.055.524.141	887.126.714
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	15.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	-	313.825.694
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước thành đã thực hiện năm nay	4.737.717.224	161.017.171
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	5.184.909.368	(1.283.982.919)
- Lãi trong công ty liên kết, l.doanh	132.897.549	1.681.266.768
Tổng thu nhập chịu thuế	4.145.174.396	19.862.113.513
Từ hoạt động ưu đãi	747.146.664	2.405.278.809
Từ hoạt động không ưu đãi	3.398.027.732	17.456.834.704
Thuế thu nhập doanh nghiệp	754.320.212	3.731.894.822
Từ hoạt động ưu đãi	74.714.666	240.527.881
Từ hoạt động không ưu đãi	679.605.546	3.491.366.941
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	239.837.855	245.131.133
- Chi thêm cho lao động nữ	239.837.855	245.131.133
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	514.482.357	3.486.763.689
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	723.829.042	3.486.763.689
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	514.482.357	3.486.763.689
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	209.346.685	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.036.981.873	(256.796.584)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.036.981.873	(256.796.584)

36. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	3.936.889.861	11.917.863.318
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(1.166.106.673)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	1.166.106.673
LN hoặc lỗ p.bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.936.889.861	10.751.756.645
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.113.177	2.981.730
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.265	3.606

Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2022 được tính lại căn cứ vào số liệu phân phối lợi nhuận được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2023. Theo đó, Đại hội thông qua số liệu trích lập chính thức của Quỹ khen thưởng phúc lợi là 1.166.106.674 đồng.

Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 chưa trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi do Điều lệ và Nghị quyết Đại hội cổ đông không quy định. Số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định chia Quỹ khen thưởng phúc lợi của Đại hội cổ đông sau này.

37. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	241.181.004.983	269.441.077.413
Chi phí nhân công	295.768.220.929	340.642.326.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.805.810.463	17.575.762.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.616.896.239	55.443.126.416
Chi phí khác bằng tiền	21.416.633.262	14.914.358.699
Cộng	628.788.565.876	698.016.651.829

38. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

39. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

		31/12/2023	01/01/2023
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	543.338,29	802.302,88
	EUR	323,61	234,61
Phải thu khách hàng	USD	4.659.182,86	6.379.143,04
Nợ tài chính			
Các khoản vay và nợ	USD	5.077.469,95	6.443.611,35
Phải trả người bán	USD	997.759,23	1.111.408,95

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên phụ liệu, vật tư, thiết bị từ nhà cung cấp trong nước và nhập khẩu nguyên vật liệu, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng trực tiếp với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi, đơn đốc tình hình thu hồi nợ để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đối với các khách hàng ở nước ngoài, Công ty thường qui định phương thức thanh toán trong Hợp đồng là thanh toán bằng L/C. Đối với những khách hàng không thanh toán đúng hạn, Công ty đã thực hiện phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng, đồng thời tiến hành các thủ tục khởi kiện dân sự. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	44.702.420.132	-	44.702.420.132
Chi phí phải trả	5.089.682.745	-	5.089.682.745
Vay và nợ thuê tài chính	181.460.112.245	33.067.172.860	214.527.285.105
Phải trả khác	3.592.703.262	10.000.000	3.602.703.262
Cộng	234.844.918.384	33.077.172.860	267.922.091.244
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	59.062.058.576	-	59.062.058.576
Chi phí phải trả	4.526.199.630	-	4.526.199.630
Vay và nợ thuê tài chính	181.517.633.419	40.799.590.357	222.317.223.776
Phải trả khác	3.930.393.726	10.000.000	3.940.393.726
Cộng	249.036.285.351	40.809.590.357	289.845.875.708

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.032.201.675	-	19.032.201.675
Đầu tư tài chính	-	232.822.752	232.822.752
Phải thu khách hàng	114.909.421.525	-	114.909.421.525
Phải thu khác	1.071.220.565	2.460.493.000	3.531.713.565
Cộng	135.012.843.765	2.693.315.752	137.706.159.517
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.386.920.310	-	27.386.920.310
Đầu tư tài chính	-	282.307.184	282.307.184
Phải thu khách hàng	155.817.469.910	-	155.817.469.910
Phải thu khác	751.647.271	1.903.958.000	2.655.605.271
Cộng	183.956.037.491	2.186.265.184	186.142.302.675

40. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty liên kết

b. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	Khoản mục	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.000.000.000	11.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Thu nhập đã nhận của các thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Chức vụ		Năm 2023	Năm 2022
Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	180.000.000	270.000.000
		Thưởng	530.000.000	460.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000	72.000.000
		Thưởng	50.000.000	95.000.000
Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000	72.000.000
		Thưởng	50.000.000	20.000.000
Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	Thù lao HĐQT	48.000.000	72.000.000
		Lương, thưởng	1.139.714.631	1.025.343.332
Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	Thù lao HĐQT	48.000.000	72.000.000
		Lương, thưởng	1.126.362.336	1.092.627.526
Ông Phạm Vũ Bằng	Giám Đốc Điều Hành	Thù lao HĐQT	36.000.000	54.000.000
		Lương, thưởng	805.451.313	733.219.997
Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng Ban Kiểm Soát	Thù lao BKS	60.000.000	90.000.000
		Thưởng	50.000.000	60.000.000
Ông Lương Chương	Thành viên Ban Kiểm soát	Thù lao BKS	120.000.000	120.000.000
		Thưởng	61.100.000	61.000.000
Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên Ban Kiểm soát	Thù lao BKS	36.000.000	54.000.000
		Thưởng	30.000.000	20.000.000
Ông Văn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	730.884.506	683.717.591
		Thù lao HĐQT	48.000.000	72.000.000
Ông Trần Văn Tiến	Giám Đốc Điều Hành	Lương, thưởng	271.675.066	547.182.503
		Thù lao HĐQT	48.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Thành An	Giám Đốc Điều Hành	Lương, thưởng	765.864.927	765.087.719
		Thù lao HĐQT	48.000.000	72.000.000
Bà Lê Đình Bích Hợp	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	713.415.586	662.167.996
		Thù lao HĐQT	48.000.000	72.000.000

41. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

42. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.



Hồ Hai

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Lê Đình Bích Hợp

Người lập biểu

Trần Thị Thi



CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

TP. Đà Nẵng, ngày 13 tháng 04 năm 2024



“Hưởng tới sự hoàn mỹ”



CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG



Địa chỉ: 25 Trần Quý Cáp, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng



Số điện thoại: 0236.3827116



Số Fax: 0236.3823367



Website: www.vinatexdn.com.vn